

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI VĂN THI

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM
TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI VĂN THI

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM
TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60 38 01 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TIẾN SĨ VÕ THỊ KIM OANH**

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các số liệu, trích dẫn được sử dụng trong luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực, có dẫn chiếu, tham chiếu đầy đủ nguồn theo quy định của một công trình nghiên cứu khoa học. Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung công trình nghiên cứu của mình./.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC	9
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục	9
1.2. Các đặc điểm của nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục	18
1.3. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục	25
Chương 2: THỰC TIỄN NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TẠI BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2012 – 2016	32
2.1. Thực tiễn nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước.....	32
2.2. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục tại Bình Phước	40
Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI.....	53
3.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước.....	53
3.2. Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ khía cạnh nhân thân người phạm tội	58
KẾT LUẬN	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:Bộ luật hình sự
BLTTHS	:Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
HSST	:Hình sự sơ thẩm
KCN	:Khu công nghiệp
TAND	:Tòa án nhân dân
VKSND	:Viện kiểm sát nhân dân
XPTD	:Xâm phạm tình dục

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bình Phước là một tỉnh thành lập vào ngày 01/01/1997 trên cơ sở chia tách tỉnh Sông Bé (cũ) thành 02 tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Tỉnh Bình Phước có diện tích gần 7000km² – thuộc vùng Đông Nam bộ. Bình Phước là tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có 240 km đường biên giới với Vương quốc Campuchia giáp 3 tỉnh gồm Tbong Khmum, Kratie, Mondulakiri. Tỉnh là cửa ngõ đồng thời là cầu nối của vùng với Tây Nguyên và Campuchia. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính gồm 3 thị xã và 8 huyện.

Bình Phước có dân số hơn 900.000 người, là nơi định cư và sinh sống của 42 dân tộc anh em, trong đó dân tộc ít người chiếm 17,9%, đa số là người S.tiêng, một số ít người Hoa, Khmer, Nùng, Tày,... Vì vậy, Bình Phước có nhiều nét văn hóa của người S.tiêng.

Sau hơn 20 năm thành lập tỉnh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã được tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, những thành tựu đã đạt được, mặt trái của nền kinh tế thị trường, mật độ dân cư thưa thớt (130 người/km²), diện tích rừng lớn lại giáp ranh với vùng biên giới Vương quốc Campuchia, đa dạng về bản sắc văn hóa và là tỉnh có số lượng dân nhập cư từ các tỉnh khác khá lớn nên tình hình tội phạm trong tỉnh diễn biến hết sức phức tạp và ngày càng có chiều hướng tăng mạnh.

Theo báo cáo kết quả giải quyết các loại án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, trong 05 năm từ năm 2012 – 2016 đã xét xử hơn 5.798 vụ với 6.925 bị cáo; trong đó đã xét xử các tội xâm phạm tình dục là 276 vụ/326 bị cáo chiếm tỷ lệ hơn 5%. Cụ thể năm 2012 giải quyết 1117 vụ với 1259 bị cáo, trong đó đã xét xử tội hiếp dâm trẻ em là 18 vụ với 18 bị cáo; tội hiếp dâm 9 vụ 13 bị cáo; tội giao cấu trẻ em 18 vụ 18 bị cáo; tội dâm ô trẻ em 7 vụ 7 bị cáo; năm 2013 giải quyết 1136 vụ với 1361 bị cáo, trong đó đã xét xử tội hiếp dâm trẻ em là 16 vụ với 22 bị cáo; tội hiếp dâm 11 vụ 24 bị cáo; tội giao cấu với trẻ em 21 vụ 21 bị cáo; tội dâm ô đối với trẻ em 11 vụ 11 bị cáo; năm 2014 giải quyết 1151 vụ với 1372 bị cáo, trong đó đã

xét xử tội hiếp dâm trẻ em là 13 vụ với 19 bị cáo; tội hiếp dâm 9 vụ 9 bị cáo; tội giao cấu với trẻ em 19 vụ 19 bị cáo; tội dâm ô trẻ em 8 vụ 8 bị cáo; năm 2015 giải quyết 1191 vụ với 1385 bị cáo, trong đó đã xét xử tội hiếp dâm trẻ em là 15 vụ với 17 bị cáo; tội hiếp dâm 6 vụ 10 bị cáo; tội giao cấu với trẻ em 26 vụ 27 bị cáo; tội dâm ô đối với trẻ em 9 vụ 9 bị cáo; năm 2016 giải quyết 1203 vụ 1548 bị cáo, trong đó tội hiếp dâm trẻ em 17 vụ 24 bị cáo; tội hiếp dâm 5 vụ 11 bị cáo; tội giao cấu với trẻ em 34 vụ 34 bị cáo; tội dâm ô với trẻ em 5 vụ 5 bị cáo; Tuy nhiên, những con số như trên chỉ mới là số vụ mà nạn nhân trình báo với cơ quan chức năng, thực tế số vụ XPTD mà nạn nhân không khai báo còn lớn hơn rất nhiều.

Tình hình các tội XPTD trong tỉnh trong 05 năm qua từ năm 2012 đến năm 2016 luôn ở mức cao. Diễn biến phức tạp của các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội – văn hóa; thể hiện sự suy đồi về lối sống, sự xuống cấp về các giá trị đạo đức. Tội phạm này không những xâm hại đến sức khỏe, danh dự nhân phẩm mà còn gây ảnh hưởng lâu dài tới tâm, sinh lí của các lứa tuổi trong suốt quá trình sinh sống và trưởng thành. Đồng thời loại tội phạm này gây tâm lý hoang mang, lo lắng lan rộng trong quần chúng nhân dân, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Một hậu quả cũng phải kể đến đó là chi phí của Nhà nước cho quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, là những thiệt hại không thể đo đếm được. Do đó, đấu tranh phòng và chống loại tội XPTD luôn là nhiệm vụ quan trọng, vừa có tính cấp bách vừa có tính chiến lược lâu dài, là vấn đề mang tính xã hội cao, là sự nghiệp của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Đứng trước tình hình diễn biến tội phạm như vậy, Đảng, Nhà nước và các ngành, các cấp đã có nhiều chủ trương, biện pháp trong việc bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em – đối tượng bị xâm hại chính của nhóm tội này; phòng, chống các tội XPTD. CQĐT, VKSND và TAND đã phối hợp chặt chẽ, tích cực phát hiện, điều tra, truy tố và đưa ra xét xử kịp thời các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về XPTD nói riêng. Để đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này, một trong những vấn đề quan trọng là cần làm rõ nhân thân người phạm các tội XPTD, tiến

hành nghiên cứu tội phạm học về tình hình tội XPTD trên địa bàn, lý giải nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và đề xuất các giải pháp phòng ngừa hiệu quả, đảm bảo tính khoa học và tính khả thi trong thực tiễn. Với mong muốn góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội XPTD nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tác giả quyết định chọn nghiên cứu đề tài: "***Nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước***" làm luận văn Thạc sĩ luật học của mình nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, đã có một số công trình nghiên cứu được thực hiện liên quan đến đề tài nhân thân người phạm tội. Có thể chia các công trình nghiên cứu thành hai nhóm: Nhóm các công trình nghiên cứu làm rõ lý luận về nhân thân người phạm tội và nhóm nghiên cứu làm rõ nhân thân một số tội phạm cụ thể.

2.1. Những công trình tiêu biểu nghiên cứu làm rõ lý luận về nhân thân người phạm tội

Thuộc về nhóm này có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

- *Giáo trình tội phạm học*, do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa, năm 2011.
- *Giáo trình tội phạm học* của tập thể tác giả trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, tái bản năm 2013, 2015.
- *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của tập thể tác giả Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, năm 2000.
- *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, do GS.TS Nguyễn Văn Cảnh và PGS.TS Phạm Văn Tỉnh chủ biên, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2013.
- Luận văn Thạc sĩ Luật học: "*Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*" của Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 1996.
- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản*" của tác giả GS.TS.Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án, số 10/2001, tr. 7-11 và số 11/2001, tr. 5-8;

- Bài viết: "*Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*" của tác giả Nguyễn Quang Hạnh, Tạp chí Nghề luật, số 1/2013, tr. 52-57;

Các công trình nghiên cứu trên đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội, bao gồm khái niệm nhân thân người phạm tội, các đặc điểm nhân thân người phạm tội, vai trò của nhân thân người phạm tội trong cơ chế hành vi người phạm tội... Đây là những cơ sở lý luận quan trọng mà luận văn sẽ kế thừa làm nền tảng lý luận trong luận văn của mình.

2.2. Những công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến đề tài.

Về thực tiễn nhân thân người phạm tội có những công trình tác giả nghiên cứu, phân tích có hệ thống về nhân thân người phạm tội trên một địa bàn nhất định và đặc điểm người phạm tội gắn với một loại tội phạm cụ thể, tiêu biểu như:

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*" của Phạm Uyên Thy (2015), Học viện khoa học xã hội;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*" của Phạm Thị Triều Mên (2016), Học viện khoa học xã hội;

- Luận văn Thạc sĩ luật học: "*Nhân thân người phạm tội cờ bạc từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*" của Trần Văn Dũng (2016), Học viện khoa học xã hội;

Về kinh nghiệm và giải pháp có các công trình nghiên cứu trong việc định tội và quyết định hình phạt hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự như:

- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt*" của tác giả Trịnh Tiến Việt, Tạp chí kiểm sát, số 1/2003, tr. 21-23;

- Bài viết: "*Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 18/2005, tr. 17-20;

- Bài viết: "*Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*" của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án, số 8/2001, tr. 2-7;

- Bài viết: "*Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*" của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án, số 13/2009, tr. 23-27 và số 14, tr. 19-28;

Các tác giả trong các công trình nghiên cứu trên đã phân tích làm rõ vai trò của nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt, trong định tội danh hoặc

trong quy định liên quan đến các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình nghiên cứu làm đề tài của mình.

Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu chuyên sâu về nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng về nhân thân người phạm tội cũng như những tri thức nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trong các loại tội, nhóm tội ở các địa phương nhất định trong các công trình của các tác giả kể trên, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Từ thực tiễn tình hình tội phạm XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 - 2016, tác giả sẽ đi sâu phân tích làm rõ lý luận về nhân thân người phạm tội gắn với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hoá, đạo đức, truyền thống của người dân tỉnh Bình Phước. Từ đó, kiến nghị các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ khía cạnh nhân thân người phạm tội. Đây chính là hướng nghiên cứu của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn sẽ đi sâu nghiên cứu làm rõ thực trạng nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước, phân tích làm rõ các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh. Từ đó luận văn cũng sẽ đưa ra các giải pháp khắc phục những đặc điểm nhân thân tiêu cực của loại tội phạm này cũng như đề xuất một số giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội XPTD từ góc độ nhân thân người phạm tội trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nêu trên, đề tài cần giải quyết các nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về nhân thân người phạm các tội XPTD. Nhiệm vụ này bao gồm những hoạt động cụ thể như:

tìm, thu thập và nghiên cứu chuyên sâu tài liệu về tội phạm học, về pháp luật hình sự và những tài liệu khác có liên quan đến luận văn làm cơ sở cho việc nhận thức thống nhất, rõ ràng phương pháp luận nghiên cứu và sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với luận văn.

Hai là, nghiên cứu thực tế, bao gồm các hoạt động sau:

Tìm, thu thập, xử lý, phân tích, so sánh với những số liệu thống kê của một số cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước về các tội XPTD;

Tìm, thu thập các bản án xét xử sơ thẩm, phúc thẩm hình sự về các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2016 và xử lý, phân tích, so sánh theo các tiêu thức tội phạm học cần thiết;

Tìm, thu thập và nghiên cứu các báo cáo tổng kết năm của cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ba là, nghiên cứu sáng tạo, bao gồm các vấn đề cụ thể sau:

Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội;

Áp dụng những lý luận đã phân tích để làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm các tội XPTD và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016;

Dự báo tình hình các tội XPTD và đề xuất kiến nghị các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội phạm XPTD từ góc độ nhân thân người phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Để nghiên cứu, tác giả dựa trên cơ sở các số liệu thống kê và nghiên cứu 124 bản án HSST của TAND các cấp trong tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016 được thu thập một cách ngẫu nhiên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về không gian: Đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Phạm vi về thời gian: Từ năm 2012 đến năm 2016.

Phạm vi về tội danh: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các tội XPTD quy định tại Điều 111 (Tội hiếp dâm), Điều 112 (Tội hiếp dâm trẻ em), Điều 113 (Tội cưỡng dâm), Điều 114 (Tội cưỡng dâm trẻ em), Điều 115 (Tội giao cấu trẻ em), Điều 116 (Tội dâm ô trẻ em) thuộc chương XII của BLHS năm 1999.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; các tri thức khoa học pháp lý của tội phạm học, pháp luật hình sự, khoa học điều tra hình sự; thực tiễn phòng, chống các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của tội phạm học, cụ thể:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu, bản án, nghiên cứu lý luận, phân tích được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm các tội XPTD;
- Phương pháp nghiên cứu thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp, hệ thống, biểu đồ, diễn dịch, đối chiếu, suy luận, phương pháp lịch sử logic, phương pháp nghiên cứu, tổng hợp bản án được sử dụng để làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2012 – 2016;
- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic được sử dụng để nhằm đưa ra kiến nghị việc hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPTD từ góc độ nhân thân người phạm tội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- *Ý nghĩa lý luận của đề tài:* Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm lý luận về nhân thân người phạm tội, đặc biệt là nhân thân người

phạm các tội XPTD; bổ sung lý luận về nhân thân người phạm các tội XPTD cũng như lý luận về phòng ngừa các tội XPTD từ góc độ nhân thân người phạm tội.

- *Ý nghĩa thực tiễn của đề tài:* Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, sử dụng trong thực tiễn phòng, chống các tội XPTD trên địa bàn tỉnh dưới góc độ nhân thân người phạm tội như đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm do người phạm loại tội này thực hiện. Luận văn hoàn thành cũng là tài liệu tham khảo hữu ích sử dụng trong các cơ sở đào tạo luật cho cán bộ, giảng viên, sinh viên.

- *Những điểm mới của đề tài:* Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD từ thực tiễn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016, làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước một cách có hệ thống, từ đó đưa ra một số giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục;

Chương 2: Thực tiễn nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục tại tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016;

Chương 3: Giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục từ góc độ nhân thân người phạm tội tại tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

1.1.1. Khái niệm nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

Tội phạm, như mọi hành vi khác nhau của con người là kết quả của quá trình tác động giữa cá nhân với môi trường xã hội. Nghiên cứu những đặc điểm nhân thân của cá nhân ấy góp phần rất lớn vào việc xác định tội phạm cũng như tìm ra cách đề phòng chống, hạn chế hành vi phạm tội xảy ra.

Nhân thân người phạm tội là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau. Mỗi ngành khoa học lại có những cách tiếp cận khái niệm nhân thân người phạm tội khác nhau về cả góc độ và mục đích nghiên cứu, do đó, đến nay, khái niệm nhân thân người phạm tội vẫn có rất nhiều định nghĩa và cách lý giải khác nhau.

Theo quan điểm của C. Mác: con người là một bộ phận của tự nhiên, nhưng trong mối quan hệ với tự nhiên con người khác với con vật. Ông kết luận: “Phần Con chỉ tái sản xuất ra bản thân nó, còn phần Người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên” [16, tr. 609]. Bất kỳ người nào cũng có nhu cầu mang tính sinh học, nhưng con người không phải là động vật thuần túy mà là động vật có tính xã hội, là con người của xã hội. Sự thống nhất của hai đặc tính này hình thành nên nhân thân con người, trong đó đặc tính xã hội giữ vai trò quyết định.

Theo tâm lý học tư pháp và tâm thần học thì nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm mục đích xác định năng lực trách nhiệm hình sự và xử lý những người phạm tội là người mắc các bệnh tâm lý, tâm thần [44, tr. 145]. Khoa học Luật Hình sự nghiên cứu nhân thân người phạm tội với tính chất là để định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt hay nói cách khác là nhằm đánh giá hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự và quyết định biện pháp xử lý hình sự đối với người phạm tội theo Luật Hình sự [62, tr. 193]. Luật Tố tụng hình sự nghiên cứu

nhân thân bị can, nhân thân bị cáo nhằm xác định quyền và nghĩa vụ của người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong từng giai đoạn tố tụng cụ thể để có thể giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Tội phạm học nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm xác định nguyên nhân điều kiện phạm tội, từ đó dự báo và đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Mặc dù có nhiều góc độ tiếp cận khác nhau với các mục đích khác nhau, nhưng xét về bản chất, người phạm tội trước hết là một con người cụ thể, vì vậy nghiên cứu nhân thân người phạm tội cần phải làm sáng tỏ hai vấn đề sau: (i) nhân thân con người, (ii) người phạm tội.

Thứ nhất, nhân thân con người con người có thể được hiểu là tổng hợp tất cả những đặc điểm cơ bản cho phép xác định bản chất xã hội của một con người cụ thể [43, tr. 149]. Hoạt động con người không thể tách khỏi xã hội, tính xã hội là đặc điểm cơ bản làm cho con người khác con vật nó thể hiện ở hoạt động giao tiếp xã hội. Hoạt động ấy không phải theo bản năng như hoạt động vật mà là hoạt động có ý thức - bản năng xã hội của con người là bản năng có ý thức [16, tr. 611]. Như vậy, nhân thân con người là sự thống nhất giữa đặc tính sinh học và các đặc tính xã hội hay nhân thân con người là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất của con người tham gia vào tất cả các mối quan hệ xã hội.

Thứ hai, người phạm tội được hiểu là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Luật Hình sự quy định là tội phạm [43, tr. 149]. Đối tượng nghiên cứu của tội phạm học là con người phạm tội chứ không phải là con người nói chung. Người phạm tội là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm [43, tr. 149]. Như vậy, khi nghiên cứu nhân thân người phạm tội chính là nghiên cứu con người phạm tội cụ thể. Những đặc điểm thuộc về nhân thân con người nếu gặp điều kiện hoàn cảnh không thuận lợi của quá trình hình thành nhân cách sẽ trở thành đặc điểm nhân thân xấu, những đặc điểm nhân thân xấu này khi gặp những tình huống bên ngoài thuận lợi sẽ dễ làm phát sinh hành vi phạm tội [27, tr. 10].

Có nhiều học giả đã đưa ra một số cách hiểu về nhân thân người phạm tội, mỗi cách lý giải đều có những cái lý của mình:

- Theo GS.TS Võ Khánh Vinh: *“Nhân thân người phạm tội tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị Luật hình sự quy định là tội phạm được hiểu là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó”*.
- Theo PGS.TS Đỗ Ngọc Quang: *“Nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm, những dấu hiệu, mối quan hệ xã hội về một con người chứa đựng phẩm chất cá nhân tiêu cực trong nhân cách dẫn đến hành vi phạm tội”*.
- Theo PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa: *“Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa trong việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của họ”*.
- Theo PGS.TS Kiều Đình Thụy: *“Nhân thân người phạm tội là tổng hợp tất cả những khía cạnh xã hội đặc trưng của người phạm tội tạo thành cá nhân, có ý nghĩa giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự”*.

Như vậy, có thể rút ra kết luận về nhân thân người phạm tội như sau: Nhân thân người phạm tội là những đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng nhất phản ánh bản chất người phạm tội, là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó.

Tuy nhiên, để nêu được khái niệm nhân thân người phạm các tội XPTD cần làm rõ thêm khái niệm xâm phạm tình dục, khái niệm tội phạm XPTD.

Theo từ điển Tiếng Việt thì khái niệm: *xâm phạm là động chạm đến quyền lợi của người khác* [54, tr. 1054], còn *tình dục là nhu cầu tự nhiên của con người về qua hệ giao tính* [54, tr. 917].

Thiên hướng tình dục của con người là sự lựa chọn của một người về quan hệ tình cảm và tình dục với người khác cùng giới hoặc khác giới một cách tự nguyện. Thiên hướng tình dục bao gồm dị tính (tìm kiếm tình cảm – tình dục với người khác giới), đồng tính (tìm kiếm tình cảm – tình dục với người đồng giới) và song tính (tìm kiếm tình cảm – tình dục với cả hai giới). Với thiên hướng tình dục

như vậy, có thể khẳng định đối tượng bị xâm hại tình dục có thể là cả hai giới nam và nữ, xâm phạm tình dục có thể xảy ra giữa những người cùng giới hay khác giới tính.

Từ các khái niệm này, có thể hiểu xâm phạm tình dục là tác động gây thiệt hại đến quyền tự do về tình dục của người khác.

Tội phạm XPTD có thể được hiểu là *những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong chương XIV của BLHS 2015, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm đến quyền được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự của người khác, làm ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của người bị hại.*

Từ những nghiên cứu của bản thân tác giả cùng với sự đúc rút từ các khái niệm nêu trên, có thể rút ra khái niệm nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục như sau:

Nhân thân người phạm các tội XPTD là sự thể hiện các đặc điểm cá nhân, trong đó phản ánh con đường sinh sống cá thể của người phạm tội, sự tồn tại của cá nhân họ - tồn tại được quy định bởi một nội dung cụ thể của các mối quan hệ gia đình, trường học, xã hội,... Đó là môi trường vi mô mà trong đó người phạm các tội XPTD sống hoạt động và hình thành các đặc điểm nhân thân. Tổng thể các đặc điểm về pháp lý hình sự, các dấu hiệu sinh học, nhân khẩu học, các đặc điểm về xã hội học, đạo đức, tâm lý trong sự kết hợp với điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài dẫn đến hành vi của người đó đã phạm các tội XPTD được quy định tại chương XIV của BLHS hiện hành.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

- Thứ nhất, nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của loại tội này.

Tội phạm, như mọi hành vi khác của con người là kết quả của sự tác động lẫn nhau giữa cá nhân và hoàn cảnh khách quan bên ngoài. Về cơ bản, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai phạm trù khác nhau trong việc sinh ra kết

quả tình hình tội phạm, bản chất của nguyên nhân là sự tác động qua lại giữa các yếu tố khách quan và chủ quan để sinh ra kết quả. Vì vậy, nguyên nhân của việc thực hiện tội phạm một mặt được thể hiện ở tổng thể những hoàn cảnh khách quan bên ngoài quyết định đến sự hình thành động cơ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm. Nhưng mặt khác, nguyên nhân của tội phạm còn được thể hiện trong các đặc điểm nhân thân người phạm tội như hệ thống nhu cầu, lợi ích, quan điểm sống, định hướng giá trị.

Tất cả những điều đó được phản ánh trong nhân thân người phạm tội. Chính vì vậy, nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD sẽ cho thấy những điều kiện, hoàn cảnh tiêu cực từ môi trường sống tác động thế nào đến sự hình thành nhân cách, đạo đức, đến quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội, giúp các cơ quan chức năng xác định được nguyên nhân làm phát sinh các tội XPTD.

Thứ hai, nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa trong việc quyết định các biện pháp trách nhiệm hình sự.

Theo khoa học Luật hình sự: "Nhân thân người phạm tội không phải là yếu tố bắt buộc cấu thành tội phạm nhưng trong quá trình đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và xác định trách nhiệm pháp lý của người phạm tội đó thì cần phải xem xét những đặc điểm, dấu hiệu về nhân thân của người phạm tội được cân nhắc để giải quyết những vấn đề của trách nhiệm hình sự (cá thể hóa hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự, miễn và giảm hình phạt" [61, tr. 194].

Nhân thân người phạm tội được coi là một căn cứ quan trọng để Tòa án cân nhắc hình phạt tương ứng đối với người phạm tội. Nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng sâu sắc đến tính nguy hiểm của tội phạm. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Các cơ quan tiến hành tố tụng muốn giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của người phạm tội phải nghiên cứu đầy đủ về nhân thân người phạm tội ở một số tội phạm, việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa đối với việc định tội cũng như định khung hình phạt.

Theo quy định của BLTTHS, các yếu tố về nhân thân của người phạm tội phải được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập đầy đủ và phải được thể hiện trong hồ sơ vụ án như là một tài liệu chính thức. Trong một số vụ án xâm phạm tình dục,

các yếu tố về nhân thân người phạm tội đã được pháp luật quy định là yếu tố định tội, yếu tố định khung hình phạt hoặc quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như: đặc điểm về “độ tuổi” (người đã thành niên) là dấu hiệu định tội được quy định trong các Điều 145, Điều 146 BLHS 2015; đặc điểm “Có quan hệ cùng dòng máu trực hệ hoặc quan hệ anh, chị, em cùng cha, mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha” là dấu hiệu định tội trong Điều 184 BLHS 2015. Một số đặc điểm nhân thân là các tình tiết định khung như đặc điểm “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 141, điểm h Khoản 2 Điều 142, điểm h khoản 2 Điều 143, điểm g khoản 2 Điều 144, điểm e Khoản 2 Điều 146, điểm g Khoản 2 Điều 147 BLHS 2015; đặc điểm “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại các Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 BLHS 2015; đặc điểm “nghề nghiệp” quy định tại Điều 141, điểm d, khoản 2, Điều 146; đặc điểm “Có quan hệ cùng dòng máu trực hệ hoặc quan hệ anh, chị, em cùng cha, mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha” quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 142; điểm d khoản 2 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 144, điểm c Khoản 2 Điều 145 BLHS 2015. Chính mối quan hệ giữa nhân thân người phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi người phạm tội nên Điều 50 của BLHS 2015 đã coi nhân thân người phạm tội là một trong những căn cứ quyết định hình phạt. Ngoài ra, Điều 51, Điều 52 của BLHS 2015 cũng coi những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là những tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự của loại tội XPTD.

So với BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2010, nhóm tội XPTD trong BLHS 2015 có những đặc điểm mới sau:

BLHS 2015 đã mở rộng thêm dạng hành vi khách quan của một số tội XPTD là hành vi quan hệ tình dục khác so với BLHS 1999. Sự thay đổi này xuất phát từ thực tế, các tội XPTD ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp bởi nhiều hành vi phạm tội đa dạng, vượt quá phạm vi tội phạm quy định trong BLHS 1999.

Hành vi xâm hại tình dục khác có thể được hiểu là bên cạnh những hành vi xâm phạm tình dục truyền thống như việc xâm hại tình dục giữa nam giới với nữ

giới hoặc ngược lại thì có thêm một dạng hành vi khác đó là việc xâm phạm tình dục giữa những người cùng giới, cụ thể là nam – nam, nữ - nữ; hoặc giữa những người đồng tính với nhau; hoặc giữa những người đồng tính với những người dị tính. Những hành vi xâm phạm tình dục dạng này cũng có nhiều điểm tương đồng với hành vi xâm phạm tình dục truyền thống như về cách thức, thủ đoạn phạm tội, độ tuổi phạm tội, nhân tố ảnh hưởng,... Tuy nhiên, nó cũng có những đặc điểm khác biệt ví dụ như người thực hiện hành vi này thường kín, không để lộ giới tính thật của mình, họ cũng bị ảnh hưởng bởi yếu tố xã hội nhiều hơn. Nạn nhân trong những dạng xâm phạm tình dục này cũng ít trình báo hơn vì họ bị ảnh hưởng bởi tâm lý.

Theo quy định cũ thì nếu những bé nam hoặc nam giới bị giao cấu trái ý muốn thì các cơ quan chức năng chỉ có thể xử lý được Tội dâm ô trẻ em hoặc Tội cố ý gây thương tích. Điều đó có nghĩa là chủ thể của tội hiếp dâm chỉ có thể là nam giới và nạn nhân chỉ có thể là nữ giới. Như vậy, trẻ em nam không được bảo vệ khi bị XPTD. Mà thực tiễn, hành vi giao cấu không chỉ là nam với nữ nữa mà còn có nam với nam, hay nữ với nữ và hình thức thì vượt ra ngoài hình thức “truyền thống”. Thiết nghĩ, việc bổ sung thêm dạng hành vi khách quan là hành vi quan hệ tình dục khác đã đáp ứng tình hình tội XPTD hiện nay, bảo vệ quyền chính đáng của mọi công dân.

Đối với Tội hiếp dâm quy định tại Điều 141 BLHS 2015 thì: (i) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là trường hợp gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45% và (ii) thêm trường hợp bị phạt tù 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân là trường hợp gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên.

Đối với Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi được quy định tại Điều 142 BLHS 2015 thì: (i) Làm rõ hiếp dâm trẻ em là hiếp dâm người dưới 16 tuổi và làm rõ hành vi hiếp dâm đối tượng này hơn so với Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời giảm khung hình phạt đối với hành vi giao cấu người dưới 13 tuổi (từ 07 năm đến 15 năm

so với trước đây hành vi này bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình); (ii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, đó là trường hợp: Gây thương tích cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên; (iii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, đó là các trường hợp: Phạm tội đối với người dưới 10 tuổi; Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên.

Đối với Tội cưỡng dâm được quy định tại Điều 143 BLHS 2015 thì: (i) Tăng mức phạt tù tối thiểu đối với tội cưỡng dâm từ 01 năm đến 05 năm (trước đây, mức phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm); (ii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; (iii) Tăng mức phạt tối thiểu đối với các trường hợp sau từ 10 năm đến 18 năm (trước đây, mức phạt tù từ 07 năm đến 18 tuổi): Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên; Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

Đối với Tội cưỡng dâm người từ 13 đến dưới 16 tuổi được quy định tại Điều 144 BLHS 2015 thì: (i) Làm rõ hành vi cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; (ii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, đó là các trường hợp: Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%; Phạm tội 02 lần trở lên (chuyển khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân thành khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm); Đối với 02 người trở lên (chuyển khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân thành khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm); (iii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên.

Đối với Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi được quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: (i) Làm rõ hành vi vi phạm tội này như sau: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định về hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; (ii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, đó là các trường hợp: Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.(iii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, đó là trường hợp: Gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

Đối với Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi được quy định tại Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: (i) Làm rõ hành vi dâm ô với người dưới 16 tuổi (trước đây quy định là trẻ em); (ii) Thêm trường hợp bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Những thay đổi của BLHS 2015 về các tội XPTD đã góp phần bảo vệ tốt hơn quyền của công dân, đặc biệt là những đối tượng dễ bị XPTD như phụ nữ và trẻ em. Việc mở rộng khái niệm giao cấu, mở rộng đối tượng bị XPTD có thêm cả nam giới, đối tượng thực hiện hành vi XPTD có cả nữ giới đã bảo vệ tốt hơn quyền của bị hại, nhất là nam giới, trẻ em nam và những người đồng tính.

- Thứ ba, nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD tạo cơ sở cho việc xây dựng biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Hoạt động giáo dục cải tạo là một quá trình tác động có tổ chức, có hệ thống, có mục đích rõ ràng nhằm làm thay đổi cách nhìn nhận, thay đổi thái độ của người phạm tội, hình thành ở họ thái độ phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Để hoạt động này đạt được hiệu quả cần có cách tác động phù hợp tới từng đối tượng phạm tội. Mục đích chính của hình phạt chính là giáo dục, cải tạo người phạm tội làm cho họ trở thành người tốt, không tái phạm. Chính kết quả nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ là căn cứ để xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục cải tạo đối với người phạm tội. Nghiên cứu các đặc điểm nhân thân giúp cho việc phân loại người phạm tội theo các đặc điểm nhân thân, từ đó áp dụng các biện pháp giáo dục

phù hợp nhằm loại bỏ các đặc điểm nhân thân xấu, hình thành các đặc điểm nhân thân tốt.

- Thứ tư, nghiên cứu nhân thân con người nói chung và nhân thân người phạm các tội XPTD nói riêng có ý nghĩa trong việc dự báo tình hình tội phạm và phòng ngừa các tội XPTD trong xã hội, phòng ngừa tái phạm của người phạm các tội XPTD.

Tội phạm là hiện tượng có tính cá nhân và xã hội, tội phạm do cá nhân hoặc nhóm cá nhân người phạm tội thực hiện do đó không thể không mang đặc tính riêng biệt của cá nhân. Việc nghiên cứu những đặc điểm đặc trưng của người phạm tội sẽ cho phép xác định những đặc điểm ấy có ảnh hưởng như thế nào đối với việc thực hiện tội phạm, vai trò, vị trí của mỗi đặc điểm trong cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội. Vì vậy, sự thay đổi của một số đặc điểm nhân thân sẽ tất yếu dẫn đến sự thay đổi về hình thức, thủ đoạn phạm tội cũng như xuất hiện thêm những tội phạm mới trong tương lai. Điều này có thể dự đoán từ việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội và có thể đảm bảo sự chủ động đối phó có hiệu quả của toàn xã hội đối với tình hình tội phạm

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội nói chung và người phạm các tội XPTD nói riêng cho thấy mức độ phổ biến của các loại nhân thân người XPTD khác nhau, các đặc điểm nhân thân của nhiều tầng lớp dân cư khác nhau trong sự tác động qua lại với hệ thống các quan hệ xã hội phức tạp. Đồng thời, ta còn hiểu được đặc điểm nào là đặc trưng cơ bản của nhân thân người phạm tội; nguyên nhân nào tác động dẫn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân đặc thù đó, từ đó dẫn đến người đó thực hiện hành vi tội phạm, từ đó có thể phân loại tội phạm, người phạm các tội XPTD theo từng nhóm, từng loại có những đặc điểm giống nhau và xác định nguyên nhân, điều kiện của từng nhóm, loại tội phạm và người phạm các tội XPTD, phục vụ cho việc áp dụng phương pháp phòng ngừa phù hợp nhằm làm giảm thiểu tình trạng XPTD trong xã hội.

1.2. Các đặc điểm của nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

1.2.1. Nhóm đặc điểm nhân chủng học – xã hội

Thứ nhất, đặc điểm về độ tuổi. Độ tuổi là một trong những đặc điểm quan trọng của nhân thân người phạm tội. Nghiên cứu đặc điểm độ tuổi cũng giúp cho

việc sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đấu tranh chống và phòng ngừa các tội XPTD đối với từng độ tuổi cho phù hợp [53, tr. 106]. Nghiên cứu đặc điểm lứa tuổi trong nhân thân người phạm các tội XPTD sẽ giúp xác định được lứa tuổi nào phạm tội xâm phạm tình dục nhiều nhất, lứa tuổi nào thực hiện nhóm tội này ít nhất. Nghiên cứu đặc điểm này chúng ta sẽ thấy được mối liên hệ giữa độ tuổi với tình hình tội phạm, xác định nét đặc trưng về lứa tuổi đối với nhóm tội XPTD, đồng thời thấy được vai trò của độ tuổi trong việc lựa chọn phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm, ảnh hưởng của dấu hiệu độ tuổi trong cơ chế hành vi phạm tội. Đây là cơ sở quan trọng trong việc xây dựng các giải pháp phòng ngừa nhóm tội này trong xã hội.

Đối với những đối tượng phạm các tội XPTD thì đa số là ở độ tuổi trưởng thành, có bản năng sinh lý mạnh mẽ nhưng khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi kém nên khi gặp điều kiện hoàn cảnh thuận lợi thì dễ phát sinh hành vi vi phạm pháp luật.

Để nghiên cứu tìm ra các đặc điểm đặc trưng của từng độ tuổi của những người phạm các tội XPTD, tác giả chia thành các nhóm tuổi như sau: nhóm dưới 18 tuổi, nhóm từ 18 đến 30 tuổi, nhóm từ 30 tuổi trở lên. Mỗi nhóm tuổi sẽ tương ứng với mức độ nhận thức, hiểu biết cũng như khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi của mình. Nhóm tội XPTD là nhóm tội mà người phạm tội rất đa dạng về độ tuổi và mỗi độ tuổi có những đặc điểm đặc trưng về sự phát triển thể chất, tinh thần, tâm sinh lý, hiểu biết xã hội nên nghiên cứu đặc điểm độ tuổi cho phép xác định “*mức độ tích cực phạm tội*” và đặc điểm về hành vi chống đối xã hội của những người thuộc những lứa tuổi khác nhau [57, tr. 144].

Thứ hai, đặc điểm về giới tính. Do đặc thù của các tội XPTD, thực tiễn xét xử hiện nay thì đa số người phạm tội là nam giới bởi nam giới có những đặc trưng riêng như sinh lý phát triển muộn hơn nữ giới nhưng mạnh mẽ hơn, dễ bộc lộ ra bên ngoài, thích phiêu lưu khám phá; thích chinh phục phái đẹp, thể hiện bản thân mình; khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi cũng kém hơn nhiều so với nữ giới. Trên thực tế vẫn có những trường hợp người phạm tội là người đồng tính, nhất là đồng tính nam bởi đặc điểm thích tìm đối tượng mới để thỏa mãn nhu cầu sinh lý. Bên cạnh đó, nữ giới vẫn có thể là đối tượng của các tội XPTD, tuy nhiên tỷ lệ này rất thấp.

Thứ ba, đặc điểm về trình độ học vấn. Đặc điểm này liên quan chặt chẽ đến nhận thức của cá nhân con người, ảnh hưởng đến nhu cầu, lợi ích, sở thích cũng như định hướng giá trị của người đó. Thực tế cho thấy những người có trình độ cao thì khả năng nhận thức, hiểu biết càng cao dẫn đến kiểm soát được hành vi của mình, tránh thực hiện hành vi phạm tội và ngược lại đối với những người có trình độ học vấn thấp thì khả năng hiểu biết các vấn đề xã hội, đặc biệt là nhận thức pháp luật còn thấp, dẫn đến nguy cơ phạm tội rất cao. Nhiều nghiên cứu tội phạm học cho thấy những người phạm các tội XPTD đa phần đều có trình độ học vấn tương đối thấp. Việc nghiên cứu đặc điểm này giúp chúng ta nhận thức được sự hiểu biết về xã hội của người phạm các tội XPTD, đồng thời cũng cho ta thấy người phạm tội đã sử dụng sự hiểu biết của mình để thực hiện tội phạm như thế nào, thấy được mối liên hệ giữa trình độ học vấn với tình hình tội phạm để từ đó xây dựng các biện pháp phòng ngừa.

Dựa vào trình độ học vấn, tác giả chia ra thành 4 nhóm: nhóm không biết chữ; nhóm có học vấn tiểu học, trung học cơ sở; nhóm có học vấn trung học phổ thông; nhóm có học vấn trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên.

Thứ tư, đặc điểm địa vị xã hội và nghề nghiệp. Nghiên cứu địa vị xã hội và nghề nghiệp của người phạm tội cho chúng ta biết được ở những điều kiện và những người làm việc ở những ngành, lĩnh vực nào trong xã hội dễ thực hiện tội phạm và loại tội phạm họ thực hiện; biết được những nhân tố phạm tội đặc trưng cho nhóm người phạm tội [57, tr. 145]. Nhiều công trình nghiên cứu xã hội học đã chỉ ra rằng, phần lớn những người phạm các tội XPTD là những người có địa vị xã hội thấp, không nghề nghiệp và nghề nghiệp không ổn định. Nghiên cứu đặc điểm này giúp chúng ta nhận thức được ở lĩnh vực nào của đời sống xã hội, ở ngành nào của nền kinh tế loại tội phạm này thường xảy ra. Đồng thời nó cho chúng ta hiểu được đặc thù của từng tầng lớp xã hội, từng ngành sản xuất. Những nghiên cứu này là cơ sở để đưa ra những phương hướng và giải pháp phòng ngừa tội phạm.

Dựa vào đặc điểm nghề nghiệp, người phạm các tội XPTD chia thành: người không có nghề nghiệp, người có nghề nghiệp không ổn định, người có nghề nghiệp ổn định. Tác giả cũng phân tích làm rõ một số nhóm nghề nghiệp đặc thù như làm

rẫy, thợ xây, học sinh, sinh viên, công nhân, buôn bán, bán vé số, thợ hồ, lái xe, nhân viên tiếp thị, bảo vệ, đánh cá, chăn nuôi có liên quan đến hành vi phạm tội XPTD.

Thứ năm, đặc điểm hoàn cảnh gia đình. Hoàn cảnh gia đình và sự thay đổi của nó, có tác động lên sự hình thành nhân cách của con người và ảnh hưởng đến khuynh hướng, sự kiên định của việc thực hiện tội phạm [43, tr. 196].

Nghiên cứu đặc điểm hoàn cảnh gia đình, trong nhân thân người phạm các tội XPTD là nghiên cứu ở các khía cạnh: Quan hệ gia đình, hoàn cảnh kinh tế gia đình với những tác động của chúng tới người phạm các tội XPTD. Kết quả nghiên cứu cho thấy những người đã kết hôn, được sống trong một gia đình có cơ cấu đầy đủ, gia đình hòa thuận hạnh phúc, sống gương mẫu thì tỷ lệ phạm tội XPTD của họ ít hơn đối với gia đình bị khiếm khuyết, gia đình có những thành viên thường xuyên vi phạm pháp luật hoặc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Hoàn cảnh gia đình có thể xét đến gồm: tình trạng hôn nhân, gia đình, hoàn cảnh kinh tế, điều kiện sinh hoạt. Hoàn cảnh gia đình có cơ cấu không hoàn thiện (ly hôn, bố mẹ ly hôn, mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ, mồ côi cả cha và mẹ...); chưa có vợ; gia đình không hòa thuận, sống trong gia đình đông con, cha mẹ không có thời gian quan tâm đến quản lý giáo dục con cái, cũng sẽ được nghiên cứu để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách lệch lạc của cá nhân người phạm các tội XPTD.

Hoàn cảnh kinh tế, điều kiện sinh hoạt khó khăn cũng ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách và tác động đến cách thức thỏa mãn nhu cầu, sở thích của con người, dễ nảy sinh hành vi, xử sự tiêu cực.

Thứ sáu, đặc điểm về nơi cư trú. Nơi cư trú, nơi sinh sống có ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành nhân cách và tác động đến cách thức xử sự của con người. Được sống ở một nơi ổn định mà trật tự an ninh tốt, tình làng nghĩa xóm luôn được nâng cao, các thành viên đều sống có văn hóa, đạo đức thì nó sẽ có tác động tích cực đến việc hình thành nhân cách đúng đắn và hạn chế sự phát triển nhân cách lệch lạc của cá nhân. Ngược lại, nếu sống trong môi trường có chứa đựng nhiều nhân tố tiêu cực như có người sống bê tha, suốt ngày rượu chè, cờ bạc, ma

túy, mại dâm, thì tiềm ẩn nguy cơ bị lôi kéo, dễ sa ngã trước cái xấu, tiêu cực của đời sống xã hội, dẫn đến việc hình thành và phát triển nhân cách lệch lạc của cá nhân. Nghiên cứu đặc điểm về nơi cư trú của người phạm các tội XPTD là nghiên cứu về nơi cư trú của người đó, xem họ sống trong môi trường tích cực hay tiêu cực từ đó có biện pháp tác động để hạn chế hình thành nhân thân xấu từ nơi sinh sống, nơi cư trú.

Dựa vào đặc điểm nơi cư trú, người phạm các tội XPTD được chia thành 02 nhóm: cư trú trong tỉnh (nơi cư trú ổn định) và cư trú ngoài tỉnh (nơi cư trú không ổn định).

Ngoài các đặc điểm xã hội – nhân khẩu học của nhân thân người phạm tội nói trên, các đặc điểm khác như: dân tộc, quốc tịch, nơi sinh, cũng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách con người. Dựa vào đặc điểm dân tộc, người phạm tội được chia thành 02 nhóm: người dân tộc kinh, người dân tộc thiểu số. Dựa vào đặc điểm quốc tịch được chia thành 03 nhóm: người Việt Nam, người nước ngoài và người không quốc tịch.

1.2.2. Nhóm đặc điểm đạo đức – tâm lý

Những đặc điểm của nhân thân người phạm tội được thể hiện ở nhóm đặc điểm đạo đức – tâm sinh lý bao gồm quan niệm, quan điểm về đạo đức, về giá trị xã hội và các đặc điểm tâm lý như nhu cầu, thói quen, sở thích, nguyện vọng. Những đặc điểm này đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành động cơ và sự lựa chọn phương thức hành vi phạm tội, trong những tình huống nhất định và lý giải lý do tại sao người đó phạm tội.

Thứ nhất, quan điểm, thái độ, nhận thức đối với các giá trị đạo đức xã hội, pháp luật. Mỗi cá nhân là một thực thể độc lập, họ có những quan điểm, nhận thức riêng đối với các giá trị đạo đức xã hội và pháp luật. Quan điểm, nhận thức ấy có mối quan hệ tương quan với các đặc điểm tương quan khác của đặc điểm nhân thân cá nhân ấy. Điều này giải thích tại sao cùng trong một hoàn cảnh nhất định, người này thì phạm tội còn người khác thì không. Nhìn chung người phạm các tội XPTD cho thấy đa số là người thiếu hiểu biết, nhận thức pháp luật, họ hầu như không tiếp

xúc hoặc ít có điều kiện tiếp xúc với pháp luật. Đồng thời có thái độ thờ ơ, coi thường không quan tâm đến quy định của pháp luật. Đối với người phạm các tội XPTD thì nhu cầu và lợi ích là trên hết, không quan tâm đến lợi ích của người khác. Cá biệt có trường hợp thể hiện sự chống đối xã hội, chống đối pháp luật.

Thứ hai, nhu cầu, sở thích, thói quen. Nhu cầu, sở thích, thói quen là một thuộc tính tâm lý mang tính ổn định bền vững nên việc thay đổi nó là cả một quá trình lâu dài. Nhu cầu, sở thích, thói quen sai lệch và phương thức thỏa mãn trái pháp luật sẽ dẫn đến tội phạm. Nhìn chung khi nghiên cứu đặc điểm nhu cầu, sở thích, thói quen ở những người phạm các tội XPTD thì thấy phần đông họ có nhu cầu, sở thích, thói quen không lành mạnh như: rượu chè, cờ bạc, sử dụng ma túy, thích xem phim khiêu dâm, phim sex, thích của lạ, ham muốn cơ thể của nạn nhân. Các sở thích bệnh hoạn, các thói quen xấu đó cùng với sự thiếu hiểu biết, thậm chí coi thường pháp luật đã dẫn đến thực trạng là con người đó đã thỏa mãn các nhu cầu vật chất của mình bằng con đường phạm pháp, thậm chí là phạm các tội trong nhóm tội XPTD.

Thứ ba, động cơ, mục đích phạm tội. Động cơ và mục đích của người thực hiện tội phạm được quyết định bởi các nhu cầu và lợi ích của họ [57, tr. 149]. Động cơ và mục đích phạm các tội XPTD là thỏa mãn nhu cầu tình dục của cá nhân một cách thấp hèn, trái đạo đức và trái pháp luật. Chính những nhu cầu, sở thích, thói quen không lành mạnh, vi phạm đạo đức xã hội của những người phạm các tội XPTD đã tạo thành động cơ và mục đích phạm tội của họ.

1.1.3. Nhóm đặc điểm pháp lý hình sự

Đây là nhóm dấu hiệu thể hiện tính chất nguy hiểm của tội phạm và nhân thân người phạm tội, bao gồm: Tính chất hành vi phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội; tiền án; tiền sự; phạm tội một mình hay phạm tội có tổ chức; phạm tội nhiều lần; tái phạm nguy hiểm; các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,... [43, tr. 199]. Đây là những đặc điểm nhân thân người phạm tội được quy định trong BLHS có ý nghĩa trong việc định tội, định khung và quyết định hình phạt. Nghiên cứu các đặc điểm này giúp chúng ta hiểu rõ được tính chất nguy hiểm

cho xã hội của nhân thân người phạm tội, khả năng cảm hóa, giáo dục, cải tạo của họ, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu. Các đặc điểm pháp lý hình sự của nhóm tội XPTD bao gồm:

- Tiền án, tiền sự, tái phạm nguy hiểm, đồng phạm, phạm tội nhiều lần với nhiều người là những dấu hiệu thể hiện xu hướng chống đối xã hội, coi thường pháp luật, cố ý xâm phạm danh dự nhân phẩm của người khác.
- Phạm tội có tính chất loạn luân và làm nạn nhân có thai, gây tổn hại sức khỏe cho nạn nhân được quy định tại Điều 141, 142, 143, 144, 145 là yếu tố định khung được quy định tại BLHS 2015 thể hiện sự suy đồi về đạo đức, nhân cách; sự coi thường thuần phong, mỹ tục, phong tục, tập quán.

1.1.4. Nhóm đặc điểm liên quan đến mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân

Nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD là nghiên cứu các mối quan hệ, bao gồm: quan hệ gia đình, quan hệ họ hàng, quan hệ quen biết và không có quan hệ. Nghiên cứu này cho thấy sự suy đồi về đạo đức ở mức độ cao hơn nhiều khi giữa người phạm tội có quan hệ gia đình, họ hàng, quen biết với nạn nhân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội của nhóm tội này, người phạm tội luôn có sự cân nhắc, tính toán sao cho sự mạo hiểm được giảm xuống ở mức thấp nhất và hành vi phạm tội phải đạt được tối đa mục tiêu mong đợi. Chính từ mối quan hệ của nạn nhân và người phạm tội mà người phạm tội sẽ chọn địa điểm, thời gian phù hợp để thực hiện tội phạm, tạo ra sự tự tin và củng cố vững chắc hành vi phạm tội. Việc nghiên cứu đặc điểm liên quan đến mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân không chỉ giúp trong việc điều tra vụ án mà còn giúp hiểu rõ nguyên nhân thúc đẩy tội phạm thực hiện, cũng như xây dựng giải pháp phòng ngừa phù hợp.

Tóm lại, nhân thân người phạm các tội XPTD bao gồm bốn nhóm đặc điểm cơ bản, mỗi nhóm đặc điểm thể hiện những khía cạnh khác nhau của nhân thân người phạm các tội XPTD. Trong số chúng, có những đặc điểm chung của nhân thân người phạm tội, đồng thời cũng có những đặc điểm đặc thù của nhân thân người

phạm các tội XPTD. Các đặc điểm này trong thực tiễn không tách rời nhau mà gắn liền với từng cá nhân con người, chúng có mối liên hệ tác động qua lại tạo thành một nhân cách tiêu cực của cá nhân người phạm tội. Nhân cách này trong mối liên hệ, tác động qua lại với hoàn cảnh, tình huống xung quanh dẫn đến việc thực hiện tội XPTD. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tội phạm học nhằm xác định đối tượng nào có nguy cơ cao trong việc thực hiện tội XPTD, theo đó đề ra các biện pháp phòng ngừa cụ thể hướng tới các đối tượng nào.

1.3. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

1.3.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

1.3.1.1. Các yếu tố từ môi trường gia đình

Con người sinh ra như một tờ giấy trắng, chưa có nhận thức nhiều về xã hội, nhân cách chưa hình thành hoàn chỉnh nhân cách của con người chỉ hình và phát triển khi có sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó yếu tố gia đình là một trong yếu tố quan trọng nhất. Mỗi người đều có một gia đình riêng, một quá trình tương tác với môi trường xung quanh khác nhau, cách dạy dỗ, giáo dục của các thành viên trong mỗi gia đình cũng khác nhau nên quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người cũng khác nhau. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình dễ tác động đến việc hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD gồm:

Gia đình quá nuông chiều con cái: hiện nay, do kinh tế phát triển, cùng với đó là tâm lý muốn sinh ít con của nhiều người nên nhiều gia đình sinh ít con và họ rất nuông chiều con cái. Mỗi nhu cầu của con đều được thỏa mãn, kể cả những nhu cầu vượt quá. Sự nuông chiều không phải phép của cha mẹ khiến cho con cái hình thành những thói quen, sở thích không đúng, tạo tâm lý muốn được hưởng thụ, muốn thỏa mãn cái nhu cầu cá nhân ích kỷ của mình nên khi nhu cầu xấu ấy không được thỏa mãn thì rất dễ đi đến con đường phạm tội.

Gia đình thiếu sự quan tâm dạy dỗ, chăm sóc của cha mẹ: nền kinh tế thị trường phát triển, nhịp sống ngày càng nhanh khiến cho cha mẹ bận làm việc nên

không có thời gian gần gũi quan tâm con cái. Điều này khiến các em cảm thấy cô đơn, thiết thòi từ đó dẫn đến lối sống ít kỷ, coi thường tình cảm, các giá trị đạo đức, thậm chí coi thường pháp luật dẫn đến cách xử sự không phù hợp. Thiếu sự quan tâm, chăm sóc của người thân trẻ không được giáo dục chu đáo và không được học hành đến nơi đến chốn vì vậy dễ dàng bị bạn bè xấu lôi kéo vào những việc làm vi phạm pháp luật thậm chí là xâm phạm danh dự nhân phẩm của người khác.

Gia đình khuyết thiếu: là gia đình mà đứa trẻ lớn lên không có cha, không có mẹ hoặc không có cả cha lẫn mẹ hay gia đình mà con cái phải sống chung với cha dượng hoặc mẹ ghẻ. Sống trong gia đình này, đứa trẻ thường thiếu sự dạy dỗ và tình yêu thương của người lớn nên đã phát sinh tâm lý lệch lạc, tự do ngang ngược, tìm đến những thú vui bệnh hoạn làm băng hoại đạo đức cá nhân. Vì vậy, khi gặp môi trường xấu cộng thêm sự thiếu hiểu biết pháp luật nên trẻ dễ dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội XPTD.

Gia đình không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên cãi, chửi nhau, thậm chí đánh đập nhau: sống trong môi trường gia đình này trẻ thường ám ảnh về mặt tinh thần, tâm lý trẻ thường xuyên buồn chán, thất vọng, coi thường bố mẹ, không tôn trọng, không vâng lời, lì lợm, coi thường những giá trị đạo đức, không có ý thức tôn trọng pháp luật. Điều đó dẫn đến trẻ bị khủng hoảng về mặt tinh thần và thể chất, khát khao được che chở, được hạnh phúc, được chia sẻ nên khi gặp những tình huống thuận lợi trẻ sẽ đạt được mục đích của mình, thậm chí khi không đạt được như mong muốn, trẻ sẽ sử dụng vũ lực để xâm phạm danh dự nhân phẩm của người khác.

Gia đình có người thân vi phạm pháp luật: Sống trong môi trường xấu như cha hoặc mẹ không gương mẫu trong lối sống như có hành vi phạm tội, sa đà vào tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, mại dâm hoặc có lối sống thực dụng coi nhẹ các giá trị đạo đức, giá trị pháp luật thì trẻ sẽ hình thành tâm lý bất cần, thờ ơ, coi thường pháp luật. Khi nhìn thấy người thân có những hành vi coi thường danh dự, nhân phẩm người khác, đem thân thể người khác ra làm trò mua vui thì trẻ sẽ học theo, bất chấp điều đó là vi phạm pháp luật sẵn sàng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thậm chí xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

1.3.1.2. Các yếu tố thuộc môi trường giáo dục

Nếu gia đình là môi trường đầu tiên có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của một con người thì môi trường giáo dục là môi trường thứ hai giáo dục và rèn luyện nhân cách con người. Tuy nhiên nếu môi trường giáo dục có nhiều nhân tố không lành mạnh thì cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách lệch lạc của cá nhân, nếu gặp những hoàn cảnh xấu thì rất dễ dẫn đến những hành vi phạm tội. Những nhân tố không lành mạnh trong môi trường giáo dục bao gồm:

Thứ nhất là sự thiếu quan tâm đến học sinh, kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, không nghiêm, bạo lực học đường, sự đối xử bất công làm cho các em buồn chán, thất vọng, mất niềm tin, dễ bị lôi kéo tham gia vào các hoạt động tiêu cực, không lành mạnh như thường xuyên trốn học, đua đòi, sử dụng bạo lực với bạn bè, tự tiện hạ thấp nhân phẩm, danh dự của người khác. Vì vậy, khi gặp điều kiện thuận lợi trẻ dễ dàng coi thường các giá trị đạo đức thậm chí là coi thường pháp luật, dễ dàng phạm tội như XPTD để thỏa mãn nhu cầu hay cái tôi của mình.

Thứ hai là sự thiếu sự gương mẫu của thầy cô giáo trong lối sống, đạo đức, thực hiện những hành vi suy đồi đạo đức trước mặt các em, thậm chí lôi kéo các em vào lối sống không lành mạnh, làm tổn hại đến các em như có hành vi dụ dỗ các em học sinh nữ vào quan hệ tình dục khi các em còn nhỏ tuổi, hay thậm chí là xâm hại trẻ em nam dẫn đến các em bị ám ảnh tâm lý, coi thường thầy cô giáo, coi thường các giá trị đạo đức nhân cách và khi gặp các tình huống thuận lợi, trẻ sẽ lựa chọn cách xử sự trái pháp luật như xâm phạm đến sức khỏe, danh dự của người khác.

Thứ ba là sự thiếu giáo dục kỹ năng sống, các kiến thức pháp luật và đặc biệt là giáo dục giới tính ở nhà trường vẫn còn bị xem nhẹ cùng với đó là phương pháp giáo dục chưa khoa học, quá tải về nội dung làm cho các em áp lực, chán nản, không hiểu rõ về kiến thức giới tính, hậu quả khi vi phạm pháp luật. Trong điều kiện giáo dục này khi gặp điều kiện thuận lợi trẻ sẽ xử sự theo cảm tính, nghe theo sự xúi giục, lôi kéo của bạn bè xấu thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm tình dục để thỏa mãn sự tò mò về giới tính, để giải tỏa cái gọi là “nỗi cô đơn” của các em.

Thứ tư là sự thiếu sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình; gia đình không quan tâm, ỷ lại, giao phó việc quản lý giáo dục cho nhà trường. Còn nhà trường không có phương pháp giáo dục cho học sinh một cách toàn diện, theo dõi uốn nắn kịp thời các trường hợp cá biệt. Điều đó đã dẫn đến hậu quả là các em trốn học, bỏ học, tụ tập cùng với các thành phần xấu trong xã hội thực hiện những hành vi xâm phạm tình dục người nhằm thỏa mãn nhu cầu lợi ích các nhân.

1.3.1.3. Môi trường bạn bè, làm việc, công tác và kinh tế - xã hội vĩ mô

Môi trường bạn bè là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới nhân thân con người vì đây chính là khởi nguồn của nhiều hành vi của con người, đặc biệt là giới trẻ bởi là bạn bè đồng trang lứa thì có những suy nghĩ, nhìn nhận, quan điểm, thái độ, tâm sinh lí lứa tuổi giống nhau. Khi kết bạn với những người bạn xấu, trẻ rất dễ học theo những tính xấu của bạn bè, nghe lời xúi giục, kích động từ những người bạn này để thực hiện những hành vi băng hoại đạo đức như xâm phạm tình dục người khác để chứng tỏ bản thân, thỏa mãn nhu cầu hạn hẹp, ích kỷ.

Cũng giống như môi trường bạn bè, môi trường làm việc cũng có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách của mỗi người. Môi trường làm việc thoải mái, văn minh, đồng nghiệp đều là người có văn hóa, đạo đức thì con người ta sẽ có nhân cách hoàn thiện. Nhưng nếu môi trường làm việc không thoải mái, đồng nghiệp không có những cử chỉ đúng đắn, có những hành vi lệch lạc, không lành mạnh lôi kéo, dụ dỗ vào những thói hư, tật xấu thì con người rất dễ thực hiện hành vi phạm tội khi có những yếu tố khách quan khác tác động.

Kinh tế phát triển, văn hóa được du nhập ngày càng đa dạng, cuộc sống số đang dần chi phối cuộc sống của con người hiện tại thì bên cạnh những yếu tố tích cực thì cũng có những hệ lụy không lường trước được. Kinh tế mở cửa, cuộc cách mạng công nghệ đã làm cho nhiều văn hóa phẩm độc hại du nhập, trong đó có những game, các phim, sách, ảnh khiêu dâm tràn lan trên mạng xã hội, trên mạng trực tuyến. Chỉ một cú nhấp chuột đơn giản, những loại văn hóa phẩm đồi trụy này sẽ xuất hiện rất nhiều. Điều này đã ảnh hưởng xấu đến tâm lý, gây ra những nhận thức lệch lạc, hành vi sai lầm của con người, đặc biệt là giới trẻ.

Nạn nhân trong các vụ xâm hại tình dục trẻ em chủ yếu là các bé gái. Tuy nhiên, hiện nay thực trạng trẻ em nam bị xâm hại tình dục rất đáng báo động, nhiều em bị xâm hại ở độ tuổi khoảng 4 - 5 tuổi, có trường hợp trẻ em nam bị xâm hại bởi chính những người thân, quen của gia đình. Các em thường bị dụ dỗ bằng tiền, thẻ chơi game, đồ chơi, nếu không phát hiện kịp thời để điều chỉnh về tâm sinh lý thì sau này nguy cơ lệch lạc giới tính hoặc trở thành người có xu hướng tình dục đồng giới, tạo mầm mống xuất hiện các xử sự trái pháp luật hoặc vi phạm pháp luật ở trẻ em nam là cao hơn.

Cùng với đó là sự quản lý lỏng lẻo của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trong lĩnh vực văn hóa, đã tạo điều kiện cho các loại văn hóa phẩm độc hại vẫn tồn tại và lan truyền ngày một nhiều. Không ít người đã bị ảnh hưởng của những loại ấn phẩm, phim ảnh đồi trụy ấy đến mức không thoát ra được phải thực hiện hành vi xâm phạm tình dục để thỏa mãn nhu cầu.

1.3.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm các tội xâm phạm tình dục

Thứ nhất, yếu tố ý thức, thái độ. Nền kinh tế thị trường dẫn đến sự coi thường giá trị đạo đức, thái độ tiêu cực, hợm hĩnh của không ít người. Ý thức kém, thái độ coi thường người khác, xem trọng bản ngã cá nhân quá lớn dẫn đến những hành vi tiêu cực, thúc đẩy họ vào con đường con phạm tội.

Thứ hai, yếu tố sai lệch về sở thích. Sở thích, hay còn gọi là thú vui là bản năng bình thường của con người. Nhưng những sở thích không lành mạnh nhiều khi dẫn đến hành vi phạm tội. Thực tế chứng minh, nhiều trường hợp đối tượng có sở thích xem các ấn phẩm, phim ảnh có nội dung đồi trụy sẽ kích thích những sở thích sai lệch của đối tượng, khiến họ không kiểm soát được bản thân mình mà dẫn đến hành vi phạm tội xâm phạm tình dục để thỏa mãn cái sở thích sai lệch ấy.

Thứ ba, những hạn chế thuộc về ý thức pháp luật của cá nhân gồm:

Thứ nhất là cá nhân không hiểu biết hoặc hiểu biết hạn chế về pháp luật: Thực tế hiện nay, một số người không có thái độ pháp lý đúng đắn đối với các hiện tượng tiêu cực. Họ không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật,

chỉ nghĩ đó là vi phạm đạo đức mà thôi, đặc biệt là với nhóm tội XPTD. Hiện tượng này có ở mọi người, mọi thành phần của xã hội nhưng chủ yếu rơi vào những người có trình độ học vấn thấp, không được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật.

Thứ hai là cá nhân không tuân thủ pháp luật: điều này xảy ra đối với những người có hiểu biết về pháp luật, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã coi thường pháp luật và thực hiện hành vi ấy. Thực tế, họ biết hành vi xâm phạm tình dục của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị theo pháp luật nhưng họ vẫn làm. Họ đã đặt nhu cầu, mục đích, sở thích cá nhân sai lầm lên trên pháp luật, họ sẵn sàng vượt qua rào chắn của pháp luật để thực hiện nhu cầu, thỏa mãn sở thích lệch lạc của mình.

Kết luận chương 1

Trong Chương 1, tác giả đã khái quát lý luận về nhân thân người phạm tội, theo đó nhân thân người phạm các tội XPTD là sự thể hiện các đặc điểm cá nhân, trong đó phản ánh sự tồn tại của cá nhân họ trong tổng quan với các mối quan hệ xã hội. Một trong những yêu cầu hàng đầu khi xem xét xử lý người phạm các tội XPTD là phải phân tích các đặc điểm nhân thân của họ. Nhân thân người phạm các tội XPTD là tổng hợp tất cả các đặc điểm, dấu hiệu thể hiện bản chất của cá nhân người đó khi thực hiện hành vi phạm tội.

Từ những nghiên cứu về nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục đã tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội này, giúp cho việc định tội, định khung và quyết định hình phạt một cách chính xác, tạo cơ sở cho việc xây dựng biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm tội và cả việc dự báo và phòng ngừa tội phạm XPTD.

Tác giả đã phân tích cụ thể các đặc điểm của nhân thân người phạm các tội XPTD, cụ thể chia thành bốn nhóm như sau: đặc điểm nhân chủng – xã hội, đặc điểm đạo đức – tâm sinh lý, đặc điểm pháp lý hình sự và đặc điểm liên quan đến mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội. Mỗi đặc điểm bao gồm nhiều nhân

tổ cụ thể, các nhân tố ấy đã cho thấy một cái nhìn rõ ràng, chính xác nhân thân của người phạm các tội XPTD, mang lại những tri thức chung nhất về nhóm tội nguy hiểm này.

Bên cạnh đó, tác giả cũng đi sâu làm rõ những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD bao gồm các yếu tố khách quan như môi trường gia đình, môi trường giáo dục, các yếu tố tiêu cực từ bạn bè, từ nền kinh tế - xã hội vĩ mô; và các yếu tố chủ quan như ý thức, thái độ của cá nhân, sai lệch sở thích, sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn chúng, những hạn chế thuộc về ý thức pháp luật của cá nhân.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, kết luận ở Chương 1 sẽ là cơ sở để tìm hiểu và làm rõ các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước ở Chương 2 của luận văn.

Chương 2

THỰC TIỄN NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TẠI BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2012 – 2016

Trong những năm qua, Bình Phước đã cố gắng trong lĩnh vực giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được các cấp, các ngành quan tâm và thu được nhiều kết quả tích cực, một số loại tội phạm nguy hiểm đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở Bình Phước vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là nhóm tội xâm phạm tình dục vẫn luôn diễn ra với số vụ án và bị cáo ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp, nguy hiểm. Hành vi phạm tội ở nhóm này luôn gây ra tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây phẫn nộ trong dư luận không chỉ trong mà còn cả ngoài tỉnh, đồng thời cũng tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

2.1. Thực tiễn nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Qua nghiên cứu 124 bản án do tác giả chọn một cách ngẫu nhiên đã được TAND các cấp xét xử với 131 bị cáo phạm tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016, tác giả sẽ đi sâu phân tích, làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.1.1. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn.

Thứ nhất, cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm độ tuổi, giới tính. Từ số liệu thống kê cho thấy, các đối tượng phạm các tội XPTD đa số ở độ tuổi đã trưởng thành, trong đó độ tuổi từ 18 đến 30 chiếm đến 48, 26%; người phạm tội từ 30 trở lên đứng thứ hai với tỉ lệ 41,7%; và người phạm tội dưới 18 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất với 10,12%. Trong tổng số 326 bị cáo phạm tội XPTD, có 323 bị cáo là nam, chiếm tỷ lệ 99,08% và chỉ có 01 bị cáo nữ chiếm tỷ lệ 0,92%. [Xem bảng thống kê 2.4 – phụ lục số 01].

Phân tích về đặc điểm độ tuổi của người phạm các tội XPTD ở tỉnh Bình Phước cho ta thấy số người phạm tội đa số là đã thành niên với 89,96%, nhưng số người phạm tội ở lứa tuổi dưới 18 tuổi tuy thấp nhất trong ba nhóm tuổi được phân tích nhưng vẫn chiếm một tỷ trọng khá cao. Điều đó báo động cho công tác quản lý thanh thiếu niên trong các trường và xã hội.

Qua thực tế điều tra cho thấy các đối tượng XPTD chủ yếu là nam giới, trong đó số rất ít là nữ giới, chỉ có 01 trường hợp có đồng phạm là nữ giới. Đối tượng phạm tội XPTD là nữ giới tham gia với vai trò là người giúp sức, tạo điều kiện cho các đối tượng khác thực hiện hành vi XPTD, đây là điều đáng lo ngại về sự băng hoại đạo đức của số người phạm các tội XPTD là nữ giới.

Thứ hai, cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm trình độ học vấn. Qua thống kê cho thấy, trong tổng số 131 bị cáo phạm tội XPTD thì có 108 bị cáo có trình độ tiểu học, trung học cơ sở, chiếm 82,44%; có 13 bị cáo là đối tượng không biết chữ, chiếm 9,92%; có 10 bị cáo có trình độ là trung học phổ thông, chiếm 7,6%; trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học không có đối tượng nào.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước đa số có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật kém. Điều này cũng khá phù hợp với đặc điểm nhân thân của các tội phạm khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước khi mà trình độ dân trí nơi đây chưa cao, người dân ở các huyện khó khăn, nhất là người dân tộc thiểu số còn chưa chú trọng vấn đề học tập, chưa tiếp cận nhiều với pháp luật.

2.1.2. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về nghề nghiệp

Qua nghiên cứu đặc điểm nghề nghiệp của người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thấy được rằng nhìn chung những đối tượng phạm tội thường là những đối tượng vô công rồi nghề, không chịu sự quản lý của gia đình hay một tổ chức, đoàn thể nào. Trong các bị cáo phạm tội XPTD có 55/131 bị cáo làm các nghề thuộc nhóm nghề không ổn định, chiếm 41,98%; tiếp đến là những người có nghề nghiệp là làm ruộng, làm rẫy có 30 bị cáo, chiếm 22,90%; kể đến có 18/131 bị cáo là không có nghề nghiệp chiếm 13,74%; số còn lại là học sinh, sinh

viên, thợ xây, phụ hồ, buôn bán, tiếp thị chiếm tỷ lệ không đáng kể, chỉ có 4-5/131 bị cáo. *[Xem bảng thống kê 2.6 – phụ lục số 01]*

Qua thống kê thì số tội phạm phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước có thành phần nghề nghiệp của loại tội phạm này đa dạng không tập trung ở một nghề nghiệp nhất định, tuy nhiên những người lao động chân tay phạm các tội XPTD nhiều hơn những người lao động trí óc. Số người không có nghề nghiệp ổn định cao chiếm đa số, điều đó khẳng định, khi con người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định thì dễ dẫn đến các hành vi sai lệch, dễ bị lôi kéo vào con đường phạm tội. Một điểm đáng lưu ý là số người phạm các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước có nghề nghiệp là làm rẫy khá cao, đây là điểm đặc trưng của tỉnh Bình Phước khi là tỉnh có trồng cây công nghiệp cũng như các loại cây ăn quả là chủ đạo, số lượng nhân công trong lĩnh vực này khá cao kèm theo đó là trình độ nhân công không cao, địa điểm của các rẫy cũng khá vắng vẻ, xa khu dân cư, điều này dễ dẫn đến hành vi phạm tội XPTD của nhóm người có nghề nghiệp này.

2.1.3. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, quốc tịch và tôn giáo

Thứ nhất, cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về đặc điểm gia đình. Qua thống kê 124 bản án với 131 bị cáo phạm tội XPTD đã được TAND các cấp xét xử, tác giả nhận thấy số người phạm tội là người chưa có gia đình hoặc có gia đình nhưng đã ly hôn chiếm đa số với 96/131 bị cáo chiếm 73,28%; số người phạm tội có gia đình là 35 bị cáo chiếm 26,72%. Trường hợp bị cáo có hoàn cảnh không thuận lợi là 28/131 bị cáo chiếm 21,37%, số người phạm tội có hoàn cảnh không thuận lợi như mồ côi cha, mồ côi mẹ, mồ côi cả cha lẫn mẹ, cha mẹ ly hôn, gia đình không hòa thuận chiếm tới 78,63%. *[Xem bảng thống kê 2.7 – phụ lục số 01].*

Với phân tích trên, thấy rằng người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước đa số là những người là những người chưa thành lập gia đình, đang tự do trong sinh hoạt, không bị ràng buộc bởi các yếu tố tập thể nào. Có những đối tượng có gia đình nhưng là những gia đình không hoàn thiện hoặc không hạnh phúc trong cuộc sống.

Thứ hai, cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về nơi cư trú, quốc tịch và tôn giáo. Theo số liệu thống kê của TAND tỉnh Bình Phước, trong giai đoạn 2012 – 2016 thì tổng số bị cáo phạm tội XPTD là 326 bị cáo, đa số các bị cáo phạm tội đều cư trú trong địa bàn tỉnh với 298/326 bị cáo, chiếm tỷ lệ 91,1% và số người từ nơi khác đến là 28 bị cáo chiếm 8,59%. *[Xem bảng thống kê 2.8 – phụ lục số 01]*

Để đánh giá một cách chính xác huyện thị nào của tỉnh Bình Phước có tỷ lệ phạm các tội XPTD cao hơn, tác giả đã có sự so sánh, phân tích số liệu người phạm tội với tổng số dân của địa phương đó tại thời điểm nghiên cứu. *[Xem bảng thống kê 2.9 – phụ lục số 01]*

Qua nghiên cứu 131 bị cáo phạm các tội XPTD, có 04 bị cáo là dân tộc S'tiêng, 01 bị cáo là dân tộc Mường, 01 bị cáo là dân tộc Khơ'me, 01 bị cáo dân tộc Nùng, 01 bị cáo là dân tộc M'ông. Còn lại là dân tộc Kinh chiếm đa số.

Về quốc tịch và tôn giáo thì 131 bị cáo đều có quốc tịch Việt Nam, có 24 bị cáo theo đạo Thiên chúa giáo, có 03 bị cáo theo đạo Phật, còn lại là các bị cáo không theo tôn giáo nào.

2.1.4. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về tiền án, tiền sự

Nghiên cứu 124 bản án với 131 bị cáo phạm tội XPTD, tác giả nhận thấy có 116/131 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự chiếm tỷ lệ 88,55%; có 12 bị cáo có tiền án, chiếm 9,16%; có 3 bị cáo có tiền sự chiếm tỷ lệ 2,29%. Những trường hợp có tiền án, tiền sự phạm tội XPTD đã thể hiện tính chất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật của người phạm tội.

Điển hình như vụ phạm tội nhiều lần với nhiều người của bị cáo Võ Minh Tiếng, sinh năm 1962, thường trú tại ấp 7, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; tạm trú tại tiểu khu 175 Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng, địa bàn xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước là cha dượng của cháu Chiếng Kim Huệ, sinh năm 1993 và cháu Chiếng Kim Lan, sinh năm 1990. Trong thời gian sống chung như vợ chồng với bà Lưu Thanh Ngọc và các con riêng của bà Ngọc, từ tháng 7/2007 đến tháng 10/2009, bị cáo Võ Minh Tiếng đã nhiều lần ép buộc cháu Lan để thực hiện hành vi giao cấu, lúc này Lan mới 17 tuổi 02 tháng. Bị cáo liên tục

thực hiện hành vi giao cấu từ 5 đến 10 lần một ngày, đến ngày 08/01/2010 thì Lan sinh con. Ngoài hành vi giao cấu với cháu Lan, từ ngày 28/10/2008 trở đi bị cáo còn thực hiện hành vi ép buộc để giao cấu với cháu Huệ khi cháu mới 15 tuổi, thời gian giao cấu kéo dài đến ngày 04/06/2011 thì Huệ sinh con. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đối với nhiều người dẫn đến cả hai nạn nhân đều có thai, đây là tình tiết tăng nặng, là hành vi đặc biệt nghiêm trọng, gây bất bình cho dư luận. Áp dụng điểm b,c,d khoản 2 Điều 113; điểm b khoản 3 Điều 114; khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, Tòa án tuyên bị cáo Võ Minh Tiếng tổng hợp hình phạt là 18 năm tù đối với hai tội Cường dâm và Cường dâm trẻ em. *(Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2013/HSST ngày 16/4/2013 của TAND tỉnh Bình Phước).*

Thêm một trường hợp nữa là trường hợp của bị cáo Vũ Tiến Dũng, sinh năm 1986, thường trú tại thôn Phú Lợi, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Bị cáo đã từng có 02 tiền án về Tội trộm cắp tài sản năm 2007 và năm 2011. Bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm Tội hiếp dâm trẻ em, nạn nhân là cháu Phan Đoàn Gia Vy, sinh ngày 28/10/2001. Ngày 24/01/2014 bị cáo đã dùng vũ lực ép cháu Vy quan hệ tình dục với mình. *(Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2014/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 25/11/2014).*

Từ vụ án trên có thể thấy rằng những đối tượng có nhân thân xấu khi không có ý thức hối cải thì khả năng phạm tội cao hơn rất nhiều, cũng như thực hiện hành vi có tính chất nguy hiểm hơn so với những người phạm tội lần đầu. Những đối tượng có tiền án, tiền sự, lưu manh chuyên nghiệp là những kẻ hay càn quấy, bất tuân pháp luật, thực hiện những hành vi vi phạm chuẩn đạo đức và pháp luật, trong đó có tội XPTD.

2.1.5. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về phương thức, thủ đoạn gây án

Nghiên cứu 124 bản án với 131 bị cáo phạm các tội XPTD thấy rằng: các bị cáo phạm các tội XPTD không có sự chỉ đạo, phân công chặt chẽ, chuẩn bị kỹ lưỡng trong một thời gian dài như những loại tội phạm khác. Trong số những vụ án nghiên cứu, chỉ có một trường hợp là đồng phạm đơn giản, trong đó các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành.

Đa số người phạm tội đều có mối quan hệ từ trước với nạn nhân, cụ thể:

- Bị cáo có quen biết trước với nạn nhân trước khi thực hiện hành vi XPTD là: 96 bị cáo chiếm 73,28%.

- Bị cáo không quen biết với nạn nhân, có hành vi ấn nấp, phục kích nạn nhân ở những địa điểm vắng vẻ, thời gian thuận lợi cho hành vi phạm tội hoặc bộc phát hành vi phạm tội không kiểm soát, lợi dụng nạn nhân không thể phòng vệ để thực hiện hành vi XPTD là 35 bị cáo, chiếm 26,72%.

Để thực hiện hành vi phạm tội của mình bị cáo đã dùng các phương thức, thủ đoạn phổ biến như: dùng vũ lực, đe dọa người bị hại về tinh thần; dùng vật chất để dụ dỗ; cho người bị hại sử dụng rượu, bia, chất kích thích, chất cấm; lợi dụng những nhược điểm về thể chất, trí tuệ của người bị hại; lợi dụng tình cảm, lòng tin, sự kém hiểu biết pháp luật của cha mẹ, người thân của người bị hại hay chính người bị hại. Cụ thể như sau:

- Bị cáo lợi dụng tình cảm, lòng tin, sự kém hiểu biết pháp luật của cha mẹ, người thân của người bị hại hay chính người bị hại rồi thực hiện hành vi XPTD là 36 bị cáo, chiếm 27,48%.

- Bị cáo dùng vật chất để dụ dỗ nạn nhân rồi thực hiện hành vi XPTD là 18 bị cáo, chiếm 13,74%.

- Bị cáo lợi dụng sự kém hiểu biết của bị hại để thực hiện hành vi XPTD là 11 bị cáo, chiếm 8,34%.

- Bị cáo sử dụng các thủ đoạn khác như dùng vũ lực, đe dọa nạn nhân, cho nạn nhân sử dụng chất kích thích để thực hiện hành vi XPTD là 66 bị cáo, chiếm 50,38%.

2.1.6. Cơ cấu nhân thân người phạm tội theo đặc điểm về động cơ, mục đích phạm tội, thái độ và theo đặc điểm mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội

Theo thống kê 131 bị cáo phạm tội XPTD tại địa bàn tỉnh Bình Phước, tác giả nhận thấy tất cả bị cáo có động cơ, mục đích là để thỏa mãn nhu cầu tình dục cá nhân trái pháp luật, ngược với luân thường đạo lý. Đa số các bị cáo khi phạm tội đều bị bắt quả tang, hoặc có chứng cứ đầy đủ không thể chối cãi, tỷ lệ này là 129 bị

cáo, chiếm 98,47%. Chỉ có 02 bị cáo là quanh co, chối tội, có thái độ không hợp tác với cơ quan điều tra, chiếm 1,53%.

Theo các số liệu thực tế thì nạn nhân giúp tạo yếu tố tiềm phạm trong số lượng đáng kể đối với các vụ án XPTD. Cụ thể: nạn nhân và người phạm tội có mối quan hệ với nhau; nạn nhân còn nhỏ tuổi, dễ bị dụ dỗ; nạn nhân không áp dụng các biện pháp bảo đảm sự an toàn của bản thân, phẩm giá của mình; nạn nhân thiếu khả năng kiểm soát hành vi của mình; nạn nhân không muốn thông báo, tố giác; bản thân nạn nhân có hành vi khiêu khích, kích thích.

Như vậy có thể khẳng định, trong một số trường hợp, nạn nhân cũng là người có lỗi để cho những hành vi xâm phạm tình dục diễn ra, nhất là trong quan hệ yêu đương nam nữ. Điển hình là vụ án của Phạm Minh Chương, sinh năm 1999, thường trú tại tổ 1, ấp 17, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Bị cáo và bị hại là cháu Trần Thị Lan Anh, sinh năm 2001 có quan hệ tình cảm với nhau. Từ tháng 11/2013 đến tháng 8/2014 bị cáo Chương và cháu Anh đã 04 lần quan hệ tình dục với nhau, cả 04 lần cháu Anh đều tự nguyện trong đó có 02 lần là cháu Anh chủ động muốn quan hệ tình dục với bị cáo. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước 07 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2015/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 13/04/2015*).

Số liệu thống kê của tỉnh Bình Phước về mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội cũng khá tương đồng với các công trình nghiên cứu chung của cả nước. Qua nghiên cứu 131 bị cáo phạm tội XPTD tại địa bàn tỉnh Bình Phước thấy được rằng đa số các đối tượng phạm tội đều có quen biết với nạn nhân từ trước khi gây án, thậm chí đáng buồn hơn nữa là có cả trường hợp là bị cáo và nạn nhân có quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, quan hệ họ hàng với nhau. Cụ thể: có 112 vụ án bị cáo có quen biết với người bị hại, chiếm 90,62%, bị cáo không quen biết nạn nhân là 12 bị cáo, chiếm 9,38%, trong đó có 3 vụ án bị cáo là cha ruột của người bị hại, chiếm 2,34%; có 6 vụ là cha dưỡng với con vợ, chiếm 4,69%; có 7 vụ là có mối quan hệ họ hàng như bác, chú, cậu, cháu, an hem họ hàng với nạn nhân, chiếm

5,47%, có 25 vụ là có quan hệ hàng xóm, chiếm 19, 53%; và các quan hệ khác là 75 vụ, chiếm 58,60%. *[Xem bảng thống kê 2.10 – phụ lục số 01]*.

Điển hình như trường hợp của bị cáo Nguyễn Thạch Quý, sinh năm 1974, thường trú tại thôn Phú Cường, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Nguyễn Thạch Quý và chị Huỳnh Thị Trang là vợ chồng và có con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1998. Khoảng 17 giờ ngày 28/9/2012, sau khi uống rượu xong, Nguyễn Thạch Quý nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu Nguyễn Thị Thanh Tuyền – là con gái ruột của bị cáo. Khi đang thực hiện hành vi giao cấu thì chị Trang bất ngờ trở về nhà, nghi ngờ Quý và Tuyền có quan hệ tình dục nên đã báo với Công an xã Phú Riềng. Sau đó Quý đã thừa nhận hành vi giao cấu với cháu Tuyền. Quá trình điều tra còn chứng minh được từ tháng 4/2012 đến ngày 28/9/2012, bị cáo còn thường có hành vi giao cấu với cháu Tuyền mỗi tuần từ 02 đến 03 lần. Hành vi của bị cáo đã bị TAND huyện Bù Gia Mập tuyên phạt bị cáo 04 năm tù về Tội Giao cấu với trẻ em (*Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2013/HSST ngày 28/6/2013 của TAND huyện Bù Gia Mập*).

Một vụ án khác mà bị cáo có quan hệ cha dượng với người bị hại. Cụ thể: bị cáo Phạm Văn Thuyền sinh năm 1971, thường trú tại ấp 3, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước là cha dượng của cháu Nguyễn Thị Thúy Anh – nạn nhân. Vào một ngày trong tháng 01/2012, lợi dụng hoàn cảnh nạn nhân ở nhà một mình, bị cáo đã thực hiện giao cấu với cháu Anh. 10 ngày sau đó, bị cáo lại tiếp tục hành vi đồi bại của mình với cháu Anh thì bị chị Hoa – mẹ cháu Anh bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 15 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2013/HSST ngày 21/06/2013 của TAND tỉnh Bình Phước*)

Hai vụ án điển hình nêu trên đã thể hiện sự suy đồi đạo đức, coi thường những luân thường đạo lý, coi thường pháp luật của không ít người. Chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu cá nhân ích kỷ, đồi bại mà một số người sẵn sàng xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và thân thể của chính người thân mình.

2.2. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục tại Bình Phước

2.2.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

2.2.1.1. Môi trường gia đình

Qua nghiên cứu đặc điểm về hoàn cảnh gia đình của 131 bị cáo phạm tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 - 2016, cho thấy:

- Số lượng bị cáo sống trong hoàn cảnh gia đình không có cha, không có mẹ, hoặc không có cả cha và mẹ, cha mẹ ly hôn chiếm tỷ lệ khá cao 43,51% (57/131 bị cáo). Điển hình trường hợp của bị cáo Lê Minh Hoàng, sinh năm 1994, thường trú tại Ấp Thuận Hòa 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, bị cáo sinh ra trong một gia đình chỉ có cha, mẹ của bị cáo đã mất khi bị cáo còn rất nhỏ. Khoảng tháng 3/2013 Lê Minh Hoàng quen biết và có quan hệ yêu đương với cháu Nguyễn Ngọc Châu, sinh ngày 22/7/1998. Trong thời gian quen biết nhau, Hoàng đã nhiều lần quan hệ tình dục với Châu tại nhà nghỉ “Thiên Long” thuộc khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ngày 28/11/2013, Nguyễn Ngọc Châu mang thai bé Nguyễn Quốc Cường, là con chung giữa Châu và Hoàng. Hành vi của bị cáo đã bị TAND thị xã Đồng Xoài tuyên phạt 24 tháng tù giam về Tội Giao cấu với trẻ em (*Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2014/HSSST của TAND thị xã Đồng Xoài ngày 03/12/2014*).

Từ vụ án trên cho thấy: bị cáo sống trong điều kiện hoàn cảnh không có mẹ, thiếu sự quan tâm dạy dỗ của người mẹ, cha cũng khó có thể chăm lo tốt cho bị cáo vì khả năng kinh tế, bị cáo có 03 anh em và là con lớn nhất trong gia đình, học hành không tới nơi tới chốn (bị cáo có trình độ văn hóa là 06/12) nên bị cáo có nhận thức thấp, hiểu biết pháp luật kém từ đó dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội XPTD.

- Thống kê cho thấy, có 71/131 bị cáo (chiếm 54,20%), sống trong gia đình đông con, thiếu sự quan tâm chăm sóc và giáo dục, kinh tế không thuận lợi. Điển hình như trường hợp: bị cáo Nguyễn Văn Lợi sinh năm 1989, thường trú tại ấp 11, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đến huyện Lộc Ninh, Bình Phước làm thuê. Bị cáo sinh ra trong một gia đình có 06 anh chị em, hoàn

cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo không được ăn học tử tế, trình độ văn hóa là 05/12. Ngày 13/12/2011 Lợi dụng cha mẹ cháu Trần Cẩm Mến không có nhà, dụ dỗ cháu Mến uống rượu say và ép cháu 02 lần quan hệ tình dục với bị cáo dẫn đến cháu có thai khi chưa tròn 13 tuổi. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 13 năm tù về Tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2013/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 04/3/2013*).

Vụ án diễn hình trên cho thấy, bị cáo sống trong gia đình đông con và kinh tế khó khăn nên không được cha mẹ quan tâm cho học hành đến nơi đến chốn, bị cáo vì dễ thỏa mãn dục vọng cá nhân thấp hèn của mình mà sẵn sàng dụ dỗ, xâm phạm thân thể, nhân phẩm của người bị hại chưa đủ 13 tuổi nhiều lần.

Môi trường gia đình không lành mạnh, người thân trong gia đình phạm tội cũng dễ dẫn đến hành vi phạm tội của người con. Diễn hình là vụ án của bị cáo Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1951 và bị cáo Nguyễn Trung Trung, sinh năm 1980, cùng thường trú tại tổ 1, ấp Thuận Hòa 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, cả hai bị cáo có quan hệ cha con ruột với nhau. Bị cáo Nguyễn Văn Minh là người lớn tuổi có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được việc giao cấu với cháu Nguyễn Thị Ngọc Giàu, sinh năm 1996, khi cháu mới 10 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo diễn ra trong một thời gian dài từ năm 2005 đến tháng 4 năm 2010 và nguy hiểm hơn là đã làm cho cháu Giàu có thai. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt tổng hình phạt là 24 năm tù về hai tội là Tội Hiếp dâm với trẻ em và Giao cấu với trẻ em. Đối với bị cáo Nguyễn Trung Trung khi biết cha mình là bị cáo Nguyễn Văn Minh quan hệ với cháu Giàu, bị cáo đã không can ngăn mà còn lợi dụng tâm lý sợ hãi của Giàu nhiều lần đe dọa sẽ nói sự thật cho cha mẹ Giàu biết nên Giàu miễn cưỡng cho bị cáo thực hiện hành vi giao cấu khi chưa đủ 15 tuổi. Bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cướp tài sản”, không lấy đó làm gương mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 13 năm tù về tội Cường dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2012/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 23/04/2012*).

2.2.1.2. Môi trường giáo dục

Môi trường giáo dục là sự tác động có mục đích, có tổ chức nên nó là nhân tố chủ đạo trong phát triển nhân cách của trẻ, uốn nắn những phẩm chất tâm lý xấu, làm hình thành các phẩm chất, nhân cách tốt như xã hội mong muốn. Có những trường hợp người phạm tội đã học đến cấp 3, có nhận thức khá cao, tuy vậy, chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu tình dục dâm dục của cá nhân, coi thường các quy phạm đạo đức, các quy định của pháp luật mà thực hiện hành vi XPTD. Điều đó cho thấy mặt trái của phương pháp giáo dục trong nhà trường còn thiên về giáo dục kiến thức, thiếu giáo dục kỹ năng sống, nhất là giáo dục giới tính còn chưa được quan tâm. Trong thời gian qua, công tác giáo dục ở các trường của tỉnh Bình Phước đã đạt được một số thành tựu, tuy nhiên không phải là đồng bộ. Vẫn còn những hiện tượng chạy theo thành tích, tiêu cực trong thi cử, thầy cô chưa thật sự chú tâm đến công tác giảng dạy ở trường, nội dung giảng dạy quá tải, sáo rỗng, xa rời thực tế cộng với đó là sự quản lý lỏng lẻo của nhà trường, bạo lực học đường đã dẫn đến việc nhiều em chán học, bỏ học, ăn chơi lêu lổng, bị bạn bè xấu rủ rê vào con đường phạm tội.

Nghiên cứu tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016 và kết quả điều tra xã hội học, cho thấy:

Khi được hỏi "Theo anh, chị những bất cập, hạn chế trong nhà trường ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách xấu ở trẻ" thì có 89/200 em trả lời là do sự quản lý lỏng lẻo của nhà trường, nội dung học tập và phương pháp giáo dục không phù hợp; có 78/200 em trả lời là do tình trạng bạo lực học đường; có 55/200 em trả lời thầy cô giáo đối xử phân biệt, việc giáo dục chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng; có 48/200 trả lời là nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống.

Điển hình như vụ của bị cáo Nguyễn Trung Nam, sinh năm 1998, thường trú tại khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Bị cáo và bị hại Lâm Thị Hà My, sinh năm 2001 quen biết và phát sinh tình cảm yêu đương. Trong thời gian yêu nhau, cả Nam và My đã hai lần cùng thực hiện hành vi giao cấu tại nhà văn hóa khu phố Ninh Thái, thị trấn Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước trong hai ngày tháng 1 năm 2013, khi thực hiện hành vi phạm tội bị hại chưa đủ 13

tuổi. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 06 tháng tù về Tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2013/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 20/11/2013*).

Vụ án cho thấy: khi phạm tội bị cáo mới chỉ 14 tuổi 7 tháng, đang là học sinh lớp 9. Rõ ràng ở độ tuổi này trẻ thường thay đổi tâm sinh lý, tò mò khám phá bản thân nhưng khả năng kiểm soát hành vi kém; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện nhà trường chưa quan tâm đến việc giáo dục pháp luật, giới tính và kỹ năng sống cho trẻ, chưa có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình để kịp thời uốn nắn những biểu hiện tiêu cực của trẻ, điều này làm cho trẻ thể hiện tính thờ ơ với pháp luật, coi thường các giá trị đạo đức, thậm chí coi thường danh dự nhân phẩm và sức khỏe của người khác, chỉ biết nghĩ cho cá nhân mình.

2.2.1.3. Môi trường bạn bè

Để thấy được vai trò của bạn bè có tác động như thế nào trong việc hình thành những đặc điểm nhân thân xấu, tác giả tiến hành điều tra xã hội học tại trường Phổ thông trung học Đồng Xoài. [*Xem phụ lục số 2*]

- Với câu hỏi “Anh chị thấy Bố mẹ có quan tâm đến bạn bè của mình không” thì có 140/200 em trả lời bố mẹ chỉ quan tâm một vài bạn thân, còn lại không biết; có 52/200 em lựa chọn bố mẹ thường xuyên quan tâm xem con chơi với ai, thậm chí đến thăm nhà của từng người bạn của con; có 8/200 em chọn bố mẹ không quan tâm đến các bạn của con là những ai. [*Xem bảng 2.11 - phụ lục số 1*]

- Câu hỏi “Khi anh, chị chơi với bạn bè xấu bố mẹ đối xử như thế nào”, có 22/200 em lựa chọn trả lời bố mẹ chỉ chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian của con; có 3/200 em chọn đánh đập và ép buộc không được chơi với bạn bè xấu; có 175/200 em lựa chọn phân tích là không nên chơi với bạn bè xấu và tạo điều kiện để con tham gia các hoạt động vui chơi lành mạnh và quen với bạn bè tốt. [*Xem bảng 2.11 - phụ lục số 1*]

Người xưa có câu: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” là để nhắc nhở rằng cần phải chọn bạn mà chơi. Bạn bè là nơi để dựa dẫm, sẻ chia, tâm sự khi buồn lẫn cả khi vui. Môi trường bạn bè có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành đặc điểm của mỗi người, nhất là đối với thanh thiếu niên, lứa tuổi rất dễ bị tác động bởi nhân

tổ bên ngoài. Nếu có được bạn bè tốt thì con người sẽ có môi trường lành mạnh để phát triển nhân cách, nếu bạn bè xung quanh toàn những cá thể có tính cách xấu thì con người ta dễ bị họ dụ dỗ vào môi trường xấu của bạn bè ấy, dễ bị sa đọa, thậm chí là sa ngã vào con đường phạm pháp. Có một thực tế đáng buồn là trong trường hợp có đồng phạm của tội XPTD thì có khá nhiều trường hợp các bị cáo đều là bạn bè của nhau.

Như vụ của bị cáo Phạm Minh Trí, sinh năm 1996, thường trú tại tổ 1, ấp 7 xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và bị cáo Nguyễn Hữu Hưng, sinh năm 1994, tạm trú tại tổ 5, ấp 6, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Cả hai và những người có liên quan trong vụ án đều là bạn bè của nhau. Ngày 01/12/2012, dụ dỗ bị hại là Nguyễn Thị Hương uống say, bị cáo Nguyễn Minh Trí đã dùng vũ lực ép Nguyễn Trọng Ngà – là bạn của bị cáo giữ chân tay bị hại lại và tiến hành giao cấu với cháu Hương. Bị cáo Nguyễn Hữu Hưng là người khởi xướng cho bị cáo Trí phạm tội, khi nói: “rủ Cúc Hương, Giang và Thị Hương vào vườn cao su uống rượu rồi chơi chết mẹ nó đi”, đồng thời cũng lợi dụng cháu Hương uống say và tiến hành giao cấu với cháu. Hành vi của Phạm Minh Trí đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 07 năm tù về Tội Hiếp dâm trẻ em, bị cáo Nguyễn Hữu Hưng bị tuyên phạt 03 năm tù về Tội Không tố giác tội phạm. *(Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2014/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 27/11/2014).*

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Hữu Hưng với tuổi đời còn nhỏ nhưng đã thể hiện sự coi thường pháp luật, chủ mưu, rủ rê, khởi xướng và hơn nữa còn tạo điều kiện để bạn bè cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong giai đoạn điều tra còn quanh co chối tội, bất hợp tác với cơ quan điều tra. Với bị cáo Trí tuổi đời còn nhỏ, không chăm chỉ học hành, ăn chơi sa đọa, bị lời dụ dỗ của Hưng sa vào con đường phạm tội, lại ép Ngà phải giúp sức cho hành vi phạm tội của mình.

2.2.1.4. Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, đời sống của một số bộ phận dân cư tại các huyện còn gặp nhiều khó khăn, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng cao dẫn đến trẻ em bị bỏ mẹ sao nhãng, không quan tâm, bỏ học. Nhiều người không có việc làm, phải đi làm thuê, từ đó nhiều người đã sa vào con đường vi phạm pháp

luật. Qua thống kê về cơ cấu nghề nghiệp, cho thấy: Có 115/131 bị cáo không có nghề nghiệp ổn định chiếm tỷ lệ 87,79%; có 16/131 bị cáo không có nghề nghiệp chiếm tỷ lệ 12,21 %.

Kinh tế phát triển, văn hóa du nhập đa dạng, nhiều văn hóa phẩm đồi trụy đã du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là trong thời đại cuộc sống số hiện nay. Những tư tưởng đồi trụy từ những ấn phẩm, những thứ phim ảnh, hình ảnh trụy lạc, cùng với đó là sự thiếu hiểu biết kiến thức pháp luật, nhận thức cá nhân sai lầm, lối sống buông thả, bất chấp đạo đức, pháp luật đã dẫn đến hành vi phạm tội. Điển hình trường hợp của Đoàn Huy Hoàng, sinh năm 1962, thường trú tại ấp 5B, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Cụ thể là bị cáo đã 02 lần giao cấu với cháu Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 2000, và 03 lần có hành vi dâm ô với cháu trong hai tháng 11 và 12 năm 2013, trước mỗi lần thực hiện hành vi xâm phạm cháu Nhi, bị cáo đều coi phim khiêu dâm được lưu trữ trong điện thoại của bị cáo và 03 lần rủ cháu Nhi coi cùng. Hành vi của Đoàn Huy Hoàng đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt tổng cộng là 15 năm tù về hai tội là Tội Hiếp dâm trẻ em và Tội Dâm ô với trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2014/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 28/07/2014*).

Từ vụ án trên cho thấy: môi trường văn hóa tác động không nhỏ đến sự hình thành nhân thân xấu của bị cáo như: bị cáo ở độ tuổi đã lớn, nhưng bị cáo lại không chăm chỉ làm ăn, có lối sống buông thả, thường xuyên tiếp xúc với những sản phẩm văn hóa độc hại, có nội dung không lành mạnh như xem phim sex. Sau khi xem xong lại không kiềm chế được nhu cầu sinh lý bình thường của bản thân, không nghĩ tới hậu quả, dẫn đến hành vi phạm tội là thực hiện hành vi đồi bại với chính đứa con gái riêng của vợ mà bị cáo đang nuôi dưỡng.

Các chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước về an ninh trật tự, phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm này còn rất nhiều sơ hở, bất cập; nhiều đối tượng dựa vào đó để thực hiện hành vi phạm tội và trốn tránh pháp luật. Việc thực thi pháp luật để ngăn chặn tội phạm xâm phạm tình dục vẫn còn để lọt người lọt tội, xử lý không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật. Nhiều

trường hợp người bị xâm hại tình dục là nam giới và người đồng tính vẫn còn chưa được xử lý thỏa đáng với tội danh. Nhiều vụ việc nghiêm trọng nhưng chỉ nhắc nhở, xử lý hành chính hoặc đưa ra hòa giải, thương lượng giữa đối tượng phạm tội và người bị hại. Điều này tạo cho đối tượng phạm tội tâm lý coi thường pháp luật, có thêm những phương thức, thủ đoạn mới, xảo quyệt hơn và nguy hiểm hơn để đối phó với các cơ quan có thẩm quyền để người phạm tội dễ dàng thực hiện tội phạm tiếp theo, đặc biệt đối với người phạm tội với nam giới, người đồng tính vì nhiều kẽ hở của pháp luật.

Qua nghiên cứu cơ cấu về nơi cư trú cho thấy, số bị cáo phạm tội XPTD từ nơi khác đến ở trọ rồi gây án cũng không phải ít do Bình Phước là nơi có nhiều nông trường cao su, rẫy nên đã thu hút nhiều lao động từ các địa phương khác đến làm việc, sinh sống. Nông trường cao su, các vườn, rẫy cũng chính là địa điểm thuận lợi để tiến hành các hành vi phạm tội. Trong khi đó công tác quản lý, kiểm soát số người đến tạm trú và lưu trú trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế vì người lao động chủ yếu ở nhà thuê, không có nơi cư trú ổn định, đa số là những người lao động phổ thông nên trình độ văn hóa thấp, sống xa nhà, hơn nữa các công ty cao su sa thải công nhân ngày một nhiều dẫn đến một số lượng người lao động thất nghiệp không có việc làm rảnh rỗi thường tụ tập ăn chơi, nhậu nhẹt, dễ dàng bị bạn bè lôi kéo đó cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng.

2.2.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội

Để thấy rõ những yếu tố chủ quan, thuộc về người phạm tội mà bản án của Tòa án không thể hiện, tác giả đã tiến hành điều tra xã hội học đối với các phạm nhân phạm tội xâm phạm tình dục đang cải tạo tại trại tạm giam Công an Bình Phước. *[Xem phụ lục số 3]*

Kết quả tại bảng 2.12 - phụ lục số 1 thể hiện như sau:

2.2.2.1. Sai lệch về sở thích

- Có 11% phạm nhân trả lời phạm tội là do thường xuyên sử dụng ma túy hoặc chất kích thích khác dẫn đến thiếu kiểm soát và phạm tội;

- Có 21% phạm nhân trả lời phạm tội là do có sở thích xem phim sex, tranh ảnh khiêu dâm và bị ảnh hưởng bởi sở thích này;

- Có 25% phạm nhân trả lời phạm tội là do thường xuyên uống rượu bia và phạm tội trong trạng thái không làm chủ được bản thân;

- Có 17% phạm nhân trả lời phạm tội vì nổi dục vọng do bị kích thích bởi cơ thể nạn nhân dẫn đến hành vi phạm tội;

- Có 10% phạm nhân trả lời phạm tội là do bị người khác rủ rê, lôi kéo mà phạm tội;

- Có 15% phạm nhân trả lời phạm tội là do thích của lạ nên gặp nạn nhân dục vọng nổi lên không thể kiểm soát mà phạm tội.

- Có 1% phạm nhân trả lời phạm tội do nguyên nhân khác.

Qua kết quả điều tra xã hội học trên cho thấy, những sở thích lệch lạc, sai trái có thể khiến con người có những lựa chọn cách thức xử sự không đúng đắn, thậm chí là có hành vi vi phạm pháp luật để thỏa mãn những sở thích đó. Bất chấp hành vi đó là trái đạo đức, trái pháp luật.

2.2.2.2. Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Nhu cầu là yếu tố thúc đẩy con người hành động. Nhu cầu càng cấp bách thì khả năng chi phối con người càng cao. Qua nghiên cứu 124 bản án, tác giả nhận thấy 131 bị cáo thực hiện hành vi XPTD là để thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn của mình, dẫn đến hành động theo thói quen, cảm tính. Trong ý thức của người phạm tội có những sai lệch về nhu cầu, sở thích, cách thỏa mãn nhu cầu tình dục, do trình độ học vấn thấp, dẫn đến hạn chế về nhận thức.

2.2.2.3. Trí tuệ, khả năng kiểm chế và kiểm soát hành vi

Qua thống kê cơ cấu trình độ học vấn cho thấy rằng phần lớn đối tượng phạm tội XPTD tại địa bàn tỉnh Bình Phước có trình độ học vấn thấp, có nhiều trường hợp là không biết chữ, khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế, khả năng kiểm soát hành vi kém nên khi dục vọng nổi lên thì thực hiện hành vi vi phạm mà không lường trước được hậu quả của nó.

Qua thống kê 124 bản án đã được TAND các cấp xét xử, cho thấy có 10/131 bị cáo có trình độ học vấn phổ thông trung học nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội do có tình cảm với nạn nhân, bị ảnh hưởng bởi văn hóa phẩm đồi trụy, thiếu sự kiềm chế bản thân và một phần là lỗi của bị hại dẫn đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra, nghiên cứu cơ cấu về độ tuổi và giới tính cũng cho thấy: Ở giới tính thì nhóm tội phạm tình XPTD là nam giới có 325/326 bị cáo (chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối 99,8%), chỉ có 1/326 bị cáo là nữ giới. Phần lớn các đối tượng phạm các tội XPTD trong giai đoạn 2012 - 2016 đa số ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi có 157/326 bị cáo, số bị cáo chưa có vợ con chiếm phần lớn.

Có thể thấy độ tuổi có tác động khá lớn đến nhận thức, tâm tư, tình cảm, cũng như những nhu cầu sở thích của bản thân và cách thức thỏa mãn các nhu cầu đó.

- Nhóm tuổi từ 30 trở lên là độ tuổi đã có suy nghĩ, hiểu biết nhất định nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể như vụ án của bị cáo Đặng Hữu Công, sinh năm 1973, thường trú tại tổ 5, khu phố Phú Nghĩa, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Lợi dụng cháu Lê Thị Hồng Yên, sinh ngày 09/7/2001 còn nhỏ tuổi nên khoảng 8 giờ 30 phút ngày 10/10/2015, sau khi chở Yên đi uống nước tại quán “Hương Trà” thuộc tổ 2, khu phố Phú Hưng, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, Nguyễn Hữu Công đã có hành vi dâm ô với bị hại và đến ngày 17/10/2015 cũng tại quán “Hương Trà”, bị cáo đã có hành vi giao cấu với bị hại. Hành vi của bị cáo đã bị TAND thị xã Bình Long tuyên tổng hình phạt là 03 năm tù về hai tội là Tội Giao cấu với trẻ em và Tội Dâm ô với trẻ em. *(Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2016/HSST của TAND thị xã Bình Long ngày 08/08/2016)*

Vụ án trên cho thấy, bị cáo là người đã thành niên có khả năng kiềm chế hành vi tốt hơn ở nhóm tuổi thanh niên nhưng bị cáo lợi dụng hoàn cảnh khách quan, lợi dụng cháu Yên còn nhỏ đã có hành vi đồi bại với cháu.

Trong nhóm này cũng có trường hợp bị cáo đã lớn tuổi, có suy nghĩ chín chắn hơn, có khả năng kiểm soát hành vi tốt hơn nhưng vẫn thực hiện hành vi đồi bại với những em gái bằng tuổi cháu chắt mình như vụ phạm tội của Nguyễn Văn Hưng, sinh năm 1952, thường trú tại ấp Hiếu Cẩm, thị trấn Chơn Thành, huyện

Chon Thành, tỉnh Bình Phước. Do ngụ cùng thôn và quen biết nhau từ trước nên cháu Hồ Thị Bảo Châu, sinh năm 1999 thường xuyên đến nhà Hưng chơi và bán vé số. Trong tháng 11 và tháng 12/2011, lợi dụng cháu Châu còn bé, bị cáo đã dùng tiền dụ dỗ mua hết vé số cho Châu để thực hiện 02 lần giao cấu với cháu. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 15 năm tù về Tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2012/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 27/09/2012*).

Từ vụ án trên cho thấy, các giá trị đạo đức xã hội bị xuống cấp, mặc dù khả năng sinh lý đã suy giảm nhưng bị cáo Hưng vẫn có tư tưởng bệnh hoạn, thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn của bản thân bất chấp luân thường đạo lý, đi ngược lại những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

- Nhóm ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi có 157/326 bị cáo. Ở nhóm tuổi này là những người đang trong độ tuổi khỏe mạnh, giai đoạn sinh lý phát triển mạnh mẽ, nên nhu cầu đòi hỏi về mặt sinh lý là tất yếu; ham muốn dễ bộc lộ ra bên ngoài, thích phiêu lưu, khám phá, thích chinh phục phái đẹp,... Ở họ nhu cầu này phát triển không bình thường, khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi lại kém nên khi gặp điều kiện thuận lợi dễ phát sinh hành vi phạm tội. Phần lớn các bị cáo này đều bỏ học, nhận thức xã hội kém, không ham thích thể thao, sinh hoạt văn hóa mà ăn chơi lêu lổng, thích đàn đúm rượu chè, cờ bạc, mại dâm,... Khi đã có rượu vào thì thiếu kiềm chế dẫn đến hành vi phạm tội.

- Dưới 18 tuổi là lứa tuổi đang dậy thì còn bồng bột, phát triển chưa đầy đủ về mặt tâm – sinh lý, các em dễ bị bạn bè xấu lôi kéo dẫn đến hành vi phạm tội. Điển hình như trường hợp của bị cáo Trần Văn Hiến, sinh năm 1998, thường trú tại thôn Thanh Long, xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Ngày 7/10/2012 Trần Văn Hiến sang nhà cháu Trần Thị Huyền Trang, sinh năm 2005 chơi. Lợi dụng nhà cháu không có ai ở nhà, Hiến đã dùng vũ lực để giao cấu với cháu Trang, trước đó, bị cáo có xem phim sex ở nhà. Hành vi của bị cáo đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên phạt 03 năm 06 tháng về tội Hiếp dâm trẻ em. (*Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2013/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 30/09/2013*).

Vụ án này đã nói lên rằng: ở nhóm tuổi chưa thành niên các em thích tò mò khám phá bản thân, hiếu động hay bắt chước người lớn hay phim ảnh mà các em

tiếp xúc, trong khi đó khả năng phân tích và đánh giá còn hạn chế, suy nghĩ chưa chín chắn, khả năng kiểm soát hành vi kém, rất dễ bị ảnh hưởng bởi những yếu tố xấu từ môi trường xã hội như: hút thuốc, uống rượu, phim ảnh sex, khiêu dâm và dễ bị tác động từ bạn bè xấu, dẫn đến hành vi phạm tội nói chung và hành vi phạm tội XPTD nói riêng.

2.2.2.4. Những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân

Tại bảng 2.12 - phụ lục số 1 kết quả tổng hợp điều tra xã hội học, cho thấy: Có 21/100 phạm nhân chiếm tỷ lệ 21% trả lời do thiếu hiểu biết, không thấy được hậu quả tác hại của hành vi mình đã thực hiện, không biết hành vi đó là phạm tội hình sự; có 32/100 phạm nhân chiếm tỷ lệ 32% trả lời biết sẽ bị pháp luật xử lý nhưng vẫn phạm tội; có 47/100 phạm nhân chiếm tỷ lệ 47% trả lời không quan tâm đến quy định của pháp luật. Điều này đã được thể hiện ở số liệu của cơ cấu về tiền án, tiền sự; trong 131 bị cáo phạm tội XPTD, thì có 15 bị cáo có tiền án, tiền sự.

Đặc biệt là có trường hợp sau khi thực hiện hành vi đồi bại với nạn nhân, người phạm tội đã nảy sinh ý định giết người để che giấu hành vi tội ác của mình. Điển hình nhất là vụ án của bị cáo Lê Bá Mai, sinh năm 1982, tạm trú tại tổ 2, ấp 1, xã An Khương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước. Vụ án xảy ra vào tháng 11/2004, bị cáo chớ bị hại là Thị Út, sinh năm 1993, đi vào vườn mít và thực hiện hành vi hiếp dâm sau đó giết Thị Út để che giấu tội ác của mình. Sau nhiều lần xét xử, bị cáo đã bị tuyên hai tội là Giết người và Hiếp dâm trẻ em vào tháng 8/2013. *(Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2013/HSST của TAND tỉnh Bình Phước ngày 05/01/2013).*

Vụ án trên là một vụ án gây bất bình trong dư luận suốt nhiều năm qua, thể hiện sự coi thường những chuẩn mực đạo đức và pháp luật của bị cáo. Chỉ vì dục vọng dê hèn mà bị cáo đã có hành vi xúc phạm nhân phẩm, thân thể của bị hại, sau đó để che giấu hành vi đồi bại của mình, bị cáo đã thực hiện hành vi ghê rợn, mất hết tính người là giết bị hại. Hành vi của bị cáo không đơn thuần là do bị cáo thiếu hiểu biết kiến thức pháp luật do trình độ văn hóa thấp mà chính là sự coi thường

pháp luật, coi thường những tiêu chuẩn đạo đức cơ bản nhất của con người. Bị cáo phải nhận hình phạt là tù chung thân là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Kết luận chương 2

Ở Chương 2 của luận văn, tác giả đã nghiên cứu về tình hình tội XPTD và các đặc điểm của nhân thân người phạm các tội XPTD, cũng như những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 - 2016. Có thể rút ra một số kết luận như sau:

- Tình hình tội phạm XPTD trong thời gian qua ở tỉnh Bình Phước có sự biến động không ngừng, diễn ra phức tạp, mức độ nguy hiểm cao cả về số vụ và tính chất, hành vi phạm tội.

- Trong cơ cấu tội phạm XPTD thì tội xâm phạm tình dục với nữ giới (phụ nữ và trẻ em) chiếm tỷ lệ cao nhất, không có hành vi XPTD với nam giới và người đồng tính trên địa bàn tỉnh. Tội phạm xảy ra hầu hết các địa phương trong tỉnh nhưng tập trung nhiều nhất là ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng kinh tế kém phát triển và ở những khu vực có nhiều nông trường cao su, rẫy. Về thủ đoạn và phương thức gây án thì đa số người phạm tội lợi dụng sự kém hiểu biết, lợi dụng lòng tin của nạn nhân, cho nạn nhân sử dụng các chất kích thích. Địa điểm gây án thì đa số đối tượng đã có sự chuẩn bị trước địa điểm, rồi dụ nạn nhân đến như nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ của đối tượng và nhà của nạn nhân cũng là một địa điểm để đối tượng dễ thực hiện hành vi phạm tội.

- Những người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước có đặc điểm phổ biến: trình độ học vấn thấp; độ tuổi đã trưởng thành; đa số đối tượng là người có nghề nghiệp không ổn định hoặc không có nghề nghiệp; sống trong hoàn cảnh gia đình không thuận lợi; có nhận thức về pháp luật và các chuẩn mực xã hội kém. Động cơ và mục đích phạm tội chủ yếu là thỏa mãn nhu cầu tình dục cá nhân một cách trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

- Thủ đoạn hoạt động của tội phạm chủ yếu là lợi dụng sự thiếu hiểu biết của trẻ em, lợi dụng tình cảm, sự nhẹ dạ của người bị hại để thực hiện phạm tội. Đa số đối tượng phạm tội với nạn nhân có sự quen biết từ trước khi thực hiện hành vi phạm tội.

Những nội dung đã được nghiên cứu và trình bày trong Chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả tiếp tục nghiên cứu tìm ra các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình

các tội XPTD nói riêng và tình hình tội phạm nói chung một cách hữu hiệu trong thời gian tới dưới góc độ nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TỪ GÓC ĐỘ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước

3.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tình hình tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng, là một hoạt động quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình nghiên cứu vì căn cứ vào đó chúng ta có những chính sách hình sự, chính sách xã hội nhằm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm hiệu quả hơn. Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện của nó [57, tr. 183].

Những căn cứ để đưa ra các dự báo về tình hình tội phạm XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm tiếp theo là:

Sau 20 năm thành lập, Bình Phước đã có những bước tiến không ngừng về cả kinh tế và xã hội. Những kết quả đạt được về cả kinh tế và xã hội ấy vừa là thành tựu nhưng cũng là nguy cơ tiềm ẩn những yếu tố tiêu cực để phát sinh tội phạm khi mà vị trí địa lý của tỉnh Bình Phước vẫn là môi trường thuận lợi cho tội phạm hoạt động.

Mặt trái của nền kinh tế thị trường hình thành những yếu tố tiêu cực như sự phân biệt giàu nghèo, tư tưởng chạy theo vật chất mà chà đạp lên những giá trị đạo đức, coi thường luật pháp, cùng với đó là sự hình thành nhanh chóng của các khu chế xuất, xí nghiệp, nông trường cao su và sự tồn tại của các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm chính là điều kiện cho tội phạm phát triển.

Xu thế toàn cầu hóa, mở cửa hội nhập, sâu rộng và thời đại mà công nghệ thông tin bùng nổ, nếu quản lý không tốt thì những luồng thông tin xấu, những loại

hình giải trí, sách báo, ấn phẩm, phim ảnh không lành mạnh sẽ tác động đến đời sống, nhận thức của người dân nhất là đối với thế hệ trẻ.

Quy mô dân số của tỉnh Bình Phước tăng theo từng năm bao gồm cả gia tăng dân số tự nhiên và dân số cơ học, trong đó, dân số cơ học tăng nhanh hơn so với dân số tự nhiên vì Bình Phước sẽ tiếp tục nhận thêm một số lượng lớn người lao động nhập cư từ địa phương khác đến làm ăn sinh sống, lao động và học tập. Bên cạnh đó, mặt bằng dân trí của các bộ phận dân cư chưa đồng đều, ý thức pháp luật của người dân chưa cao cũng là điều kiện để tội phạm XPTD tồn tại trên địa bàn tỉnh.

Sự quyết tâm của lãnh đạo tỉnh Bình Phước với việc chỉ đạo xây dựng tỉnh trở thành một địa phương phát triển, quyết tâm kéo giảm tình hình tội phạm trong thời gian tới.

Để dự báo xu hướng của tội phạm XPTD trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tác giả đưa ra một số dự báo chung về tình hình tội phạm XPTD liên quan đến đặc điểm nhân thân người phạm tội như sau:

3.1.2. Dự báo biến động môi trường sống và ảnh hưởng của nó đến nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục

- Môi trường gia đình:

Cùng với sự phát triển kinh tế nhanh và mạnh của xã hội hiện đại như ngày nay thì việc giữ vững nền tảng gia đình truyền thống là vô cùng cần thiết. Dù rằng cơ quan chức năng đã có nhiều biện pháp tuyên truyền để đảm bảo môi trường gia đình lành mạnh nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập trong gia đình như: tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn, sống thử gia tăng; các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình đang có biểu hiện sa sút; sự xung đột giữa các thế hệ trong gia đình về lối sống, bạo lực gia đình có chiều hướng phát triển; các tệ nạn đang xâm nhập vào các gia đình. Chính những hạn chế này đã tác động đến việc hình thành nhân thân tiêu cực của người phạm các tội XPTD như: sống bất cần, coi trọng vật chất, coi thường tình cảm và các giá trị đạo đức, thậm chí coi thường tính mạng, sức khỏe và danh dự của người khác. Vì vậy, với những tác động của các yếu tố tiêu cực trong gia đình nếu không có các giải pháp đột phá để khắc phục sẽ vẫn

có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của con người. Điều này đồng nghĩa trong thời gian tới, nếu không có giải pháp đột phá cải thiện môi trường gia đình thì tội phạm XPTD sẽ không có chiều hướng giảm.

- Môi trường giáo dục:

Quyết định số 1499/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước đã xác định rõ chủ trương đầu tư giáo dục là đầu tư cho con người, tuy nhiên chất lượng giáo dục và đào tạo ở tỉnh vẫn còn chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế. Quyết định cũng đề ra giải pháp trong thời gian tới là: tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tiên tiến, đáp ứng nhu cầu dân trí, phát triển đồng bộ. Đẩy mạnh đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo đảm bảo trung thực, khách quan theo hướng coi trọng phát triển nhân phẩm, năng lực của người học. Tuy nhiên những giải pháp nêu trên chưa thể thực hiện ngay trong một sớm một chiều, vì vậy những tác động tiêu cực trong môi trường giáo dục, đào tạo vẫn tiếp tục là nguyên nhân tham gia vào quá trình hình thành những đặc điểm nhân thân xấu của người phạm các tội XPTD như: bi quan, chán nản, coi thường tri thức, coi thường đạo đức, coi thường pháp luật, dễ buông xuôi, chú trọng đến lợi ích và nhu cầu của bản thân, dẫn đến tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPTD nói riêng trong thời gian tới vẫn có diễn biến phức tạp với tính chất và mức độ nghiêm trọng.

- Môi trường bạn bè:

Bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD. Đặc biệt là bạn bè đồng trang lứa thường có những đặc điểm về tâm sinh lý lứa tuổi giống nhau, vì vậy có ảnh hưởng vô cùng lớn đến các quan điểm, nhận thức lối sống, thậm chí đến thói quen, cách cư xử. Trong thời gian tới thông qua sự phát triển của công nghệ thông tin, các trang mạng như zalo, facebook, các mạng xã hội trẻ sẽ có nhiều bạn bè đồng trang lứa thông qua kết bạn. Do đó nếu không có sự quan tâm sát sao của cha mẹ, người lớn trong gia đình để định hướng cho trẻ phân biệt, chọn lọc bạn tốt bảo đảm sự hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực, thì trẻ dễ kết bạn với những người bạn xấu

và rất dễ nhiễm những thói hư, tật xấu, sở thích lệch lạc của bạn bè như lười học, uống rượu, hút thuốc lá, đua đòi, tụ tập chơi bời, thích hưởng thụ, chơi games, xem phim sex, và dễ thỏa mãn sở thích lệch lạc đó, thậm chí bị bạn bè rủ rê lôi kéo sẵn sàng vi phạm pháp luật, bất chấp hành vi đó vi phạm đạo đức bị xã hội lên án như XPTD.

- Môi trường kinh tế, xã hội:

Bình Phước luôn quan tâm việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển mang lại hiệu quả đáng kể, phát triển kết cấu hạ tầng; thu hút đầu tư các dự án công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp hỗ trợ. Tỉnh có nhiều khu chế xuất, nông trường cao su nên số người lao động từ các tỉnh khác đến làm ăn, sinh sống tại Bình Phước ngày một tăng kèm theo đó là hàng loạt các dịch vụ khác nhau có cơ hội phát triển như nhà hàng, khách sạn, quán cà phê kèm theo tệ nạn mại dâm. Tình hình đó làm cho an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh phức tạp hơn, trong đó có các tệ nạn xã hội và tội phạm xâm phạm tình dục. Như vậy, các yếu tố tiêu cực nảy sinh từ quá trình phát triển kinh tế, xã hội đã hình thành nên nhân thân tiêu cực của người phạm các tội XPTD như: coi trọng vật chất, lười lao động, ăn chơi đua đòi, coi thường các giá trị đạo đức, coi thường danh dự nhân phẩm của người khác đó cũng nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nói chung, các tội XPTD nói riêng vẫn còn tồn tại mà chưa thể khắc phục triệt để, chưa thể bị loại trừ ngay. Vì vậy, dự báo trong thời gian tới, các loại tội phạm nói chung và các tội phạm XPTD nói riêng có nguyên nhân phát sinh từ yếu tố tiêu cực trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vẫn diễn ra với mức độ và tính chất nghiêm trọng hơn.

- Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức:

Dưới những tác động trực tiếp của các hiện tượng tiêu cực và các ấn phẩm văn hóa không lành mạnh, tình trạng phim ảnh sex, khiêu dâm, thiếu chỗ vui chơi lành mạnh đối với thanh thiếu niên, đặc biệt là vùng nông thôn hẻo lánh, sẽ đẩy nhanh sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, trụy lạc, sử dụng rượu bia và các chất kích thích khác ngày một tăng nhất là giới trẻ. Cùng với đó là sự hạn chế thông tin về pháp luật, về hôn nhân gia đình, về chăm sóc và bảo vệ trẻ em cũng là một trong

những nguyên nhân hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của người phạm các tội XPTD và làm gia tăng tình hình phạm tội XPTD.

3.1.3. Dự báo về đặc điểm nhân thân của người phạm các tội xâm phạm tình dục ảnh hưởng đến tình hình tội phạm trong thời gian tới.

Đối với việc dự báo tình hình tội phạm XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm tới có liên quan đến đặc điểm nhân thân người phạm tội, cần phải dựa vào kết quả nghiên cứu về tình hình tội phạm, đặc điểm nhân thân người phạm tội, nguyên nhân phát sinh tình hình tội phạm để phán đoán về mức độ, tính chất và xu hướng vận động của loại tội phạm này. Để có cơ sở dự đoán hợp lý, chính xác về tình hình tội phạm XPTD trong những năm tới, tác giả đã căn cứ vào số liệu thực tế tình hình tội phạm XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 - 2016; tài liệu nghiên cứu trong những năm gần đây kết hợp với phân tích, đánh giá mang tính khoa học để dự báo.

- Về đặc điểm nhân thân người phạm tội:

Đa số đối tượng phạm tội vẫn là người có độ tuổi đã trưởng thành, ở nhóm tuổi từ 18 tuổi trở lên; đa số có giới tính nam; có trình độ học vấn thấp, chủ yếu là tiểu học, trung học cơ sở; là dân trong tỉnh; không có nơi cư trú ổn định; có nghề nghiệp không ổn định hoặc không có nghề nghiệp; chưa có vợ, con; sống trong gia đình đông anh chị em; sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi; Sự mất cân bằng về giới tính là một trong những nguy cơ làm phát sinh tội phạm XPTD; động cơ, mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu tình dục trái đạo đức xã hội và trái pháp luật. Về đặc điểm dân tộc, tôn giáo của các đối tượng phạm các tội XPTD sẽ không có sự thay đổi lớn.

- Về mối quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân:

Đối tượng phạm tội vẫn sẽ chủ yếu lợi dụng mối quan hệ quen biết với nạn nhân để thực hiện hành vi XPTD, độ tuổi của nạn nhân đa dạng, nhưng đối tượng tội phạm rõ của nhóm tuổi này chủ yếu là trẻ em nên độ tuổi chủ yếu là dưới 18 tuổi bởi vì độ tuổi này các em đang ở giai đoạn dậy thì và thích tìm hiểu người khác phái nên thông qua mạng xã hội facebook, chat yahoo, zalo nên dễ bị làm quen, bị lôi kéo, dụ dỗ tạo cơ hội cho các đối tượng có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội.

3.2. Các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ khía cạnh nhân thân người phạm tội

3.2.1. Hạn chế, khắc phục các tác động tiêu cực từ gia đình

Gia đình là môi trường quan trọng hình thành nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc vì vậy xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc là một trong những mục tiêu quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế xã hội, đồng thời là trách nhiệm của mỗi gia đình. Để phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng cần phải hạn chế, loại trừ những nguyên nhân làm phát sinh nhân thân xấu từ góc độ gia đình.

Xây dựng nếp sống sinh hoạt lành mạnh để trẻ có thời gian luyện tập nhân cách của mình. Cha mẹ cần lắng nghe, không áp đặt và sử dụng bạo lực để trẻ không bị mất phương hướng, phát triển lệch chuẩn; tập luyện cho trẻ ý thức, thói quen tự lập, không ỷ lại, dựa dẫm, biết quý trọng công sức lao động của bản thân và người khác.

Việc giáo dục con cái trong gia đình đòi hỏi cha mẹ cần có phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, khí chất, trí tuệ, năng khiếu của mỗi đứa trẻ để chúng tự tin bộc lộ hết khả năng của mình. Không được quá nuông chiều hoặc quá nghiêm khắc đối với trẻ, cần có sự động viên khích lệ, khen thưởng khi trẻ làm được việc tốt, có thành tích cao trong học tập, ngược lại phải phê bình và uốn nắn khi trẻ làm việc gì sai trái, thành tích học tập không tốt.

Cha mẹ phải làm tấm gương sáng để trẻ noi theo, phải hoàn thiện bản thân một cách tốt nhất. Gia đình cũng cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức xã hội và chính quyền các cấp trong việc giáo dục, quản lý thành viên của gia đình có hành vi vi phạm pháp luật để giáo dục, giúp đỡ và tạo điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng. Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Gia đình và xã hội cần lên án mạnh mẽ bạo lực gia đình. Cần đẩy mạnh hơn nữa các giải pháp chống bạo lực gia đình như đẩy mạnh vai trò của Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi trong giải quyết vấn đề bạo lực gia đình. Cần

nâng cao tuyên truyền để mọi người trong xã hội hiểu rõ tác hại của bạo lực gia đình. Giải quyết tốt vấn đề bạo lực gia đình sẽ góp phần loại bỏ tính ưa bạo lực vốn là một trong những đặc điểm của nhân thân xấu.

3.2.2. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục

a. Tăng cường giáo dục nhân cách, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh

Với tinh thần “Tiên học lễ, hậu học văn”, để ngăn chặn hành vi phạm tội của học sinh từ các bậc học thì nhà trường cần phải tăng cường giáo dục đạo đức, nhân cách, giáo dục giá trị cuộc sống tích cực cho người học. Cần xác định nhà trường không chỉ nơi truyền đạt kiến thức mà còn giáo dục nhân sinh quan và hoàn thiện nhân cách cho trẻ; ngoài việc dạy kiến thức phổ thông cần phải đưa giáo dục giới tính vào nhà trường thành những môn học chính khóa bắt buộc để giảng dạy trong các cấp học. Đây là một vấn đề quan trọng, quyết định đến việc tăng cường hiểu biết kiến thức giới tính tránh để cho các em có cái nhìn lệch chuẩn về đạo đức xã hội.

Nhà trường cần chú trọng công tác giáo dục kỹ năng sống cho các em, tạo cho các em sân chơi lành mạnh, phong phú, đa dạng như mô hình đội, nhóm, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt thể thao, văn hóa giúp các em giao lưu, học hỏi lẫn nhau nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc giao lưu với những nhóm tiêu cực ngoài xã hội và tránh xa những thói quen xấu.

Cần xây dựng hình ảnh người thầy cao đẹp, là tấm gương về đạo đức và trí tuệ cho học sinh noi theo. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm những giáo viên có phẩm chất đạo đức không tốt, tránh những tư tưởng phân biệt đối xử, sử dụng bạo lực để giáo dục học sinh.

Tăng cường giáo dục pháp luật và giáo dục hình thành ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh. Nội dung giáo dục pháp luật cũng cần phải được nhà trường lựa chọn cẩn thận sao cho phù hợp với nhu cầu, mong muốn và những vấn đề thường gặp của học sinh, tổ chức thành những giờ học chính khóa hay những buổi sinh hoạt ngoại khóa có ý nghĩa giáo dục pháp luật cho học sinh. Nhà trường nên mời các Điều tra viên có kinh nghiệm trong ngành Công an, các chuyên gia trong

ngành Viện kiểm sát, Tòa án tới chia sẻ các kiến thức pháp luật và thực hiện pháp luật vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tiết học giáo dục công dân nhằm giúp mọi học sinh có thể hiểu rõ những tri thức pháp luật cơ bản để nâng cao hiểu biết về vốn sống, tăng kỹ năng ứng xử tránh những hành vi lệch lạc, đồ kỵ, ganh ghét, thích đua đòi không đáng có dẫn đến dễ phát sinh các hành vi phạm tội XPTD để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

b. Tăng cường các hoạt động văn hóa, giáo dục thể chất trong nhà trường

Chăm sóc sức khỏe tinh thần và thể chất cho học sinh là một trong những yếu tố quan trọng hình thành các đặc điểm nhân thân tốt cho con người. Nhà trường trước hết phải tiến hành chăm sóc sức khỏe, tinh thần cho học sinh thông qua các hoạt động như: xây dựng ngân hàng dữ liệu cơ sở về hồ sơ sức khỏe của học sinh toàn trường; thường xuyên tiến hành kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện kịp thời những em đã, đang hoặc sẽ có nguy cơ gặp vấn đề về sức khỏe, để từ đó có các phương pháp điều trị kịp thời; đồng thời cần tổ chức thường xuyên và định kỳ các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh, giáo viên và phụ huynh về sức khỏe và tinh thần, giúp cho các em tránh được vấn đề sức khỏe và tinh thần thường gặp trong quá trình học tập và làm việc như trầm cảm, lo âu, stress, tức giận, lo sợ, ám ảnh, bạo lực. Để thực hiện được việc này, ngành giáo dục cần nghiên cứu bố trí một bộ phận chuyên trách về sức khỏe tinh thần học đường.

Bên cạnh đó, nhà trường có thể nghiên cứu đưa vào chương trình giáo dục thể chất môn võ thuật nhằm nâng cao ý thức kỷ luật và khả năng kiềm chế. Người võ sư, người hướng dẫn võ thuật phải luôn nhắc nhở các võ sinh khi tham gia học tập và rèn luyện vấn đề đạo đức, nhân cách, tinh thần thượng võ, không nên lạm dụng võ thuật để vi phạm pháp luật. Học võ cũng là cách để các em có thể bảo vệ bản thân.

c. Tăng cường phối hợp trong giáo dục, quản lý học sinh

Thời gian tới, vấn đề quan trọng là chính quyền tỉnh và các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh cần nỗ lực triển khai thực hiện các đề án giáo dục nhằm tạo ra một xã hội học tập và học tập suốt đời; khắc phục được triệt để những tiêu

cực, hạn chế trong môi trường giáo dục của tỉnh, tạo môi trường giáo dục lành mạnh sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao ý thức đạo đức, hiểu biết pháp luật, hình thành các phẩm chất và năng lực cho mỗi thành viên trong xã hội, từ đó sẽ góp phần hạn chế đáng kể hành vi phạm tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

d. Tăng cường quản lý Internet

Bộ giáo dục và đào tạo nên phối hợp với các cơ quan quản lý truyền thông, các báo điện tử, mạng xã hội trên Internet để thiết lập hệ thống tường lửa đối với những website độc hại và phối hợp với các cơ quan này thông tin đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác giáo dục. Kịp thời nắm bắt và xử lý các thông tin trái chiều để giải độc thông tin, phản bác những thông tin sai trái, tiêu cực, độc hại trên Internet đồng thời thường xuyên hướng dẫn kiến thức, trang bị kỹ năng cho thanh thiếu niên trong trường học thông qua Internet phục vụ việc nghiên cứu học tập, giải trí lành mạnh, thiết thực thông qua các tổ chức Đoàn.

3.2.3. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường bạn bè

Môi trường bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu, đặc biệt là bạn bè đồng trang lứa. Vì vậy, cha mẹ phải thường xuyên quan tâm để biết trẻ chơi với những bạn thân nào, tốt hay xấu để định hướng cho trẻ, động viên khuyến bảo trẻ tránh xa những bạn có lối sống tiêu cực, những bạn thường xuyên la cà tụ tập ở những điểm ăn chơi, tập tành uống rượu bia, hút thuốc... Định hướng cho trẻ không được quan hệ chơi bời với những người có lối sống không lành mạnh, bởi triết lý kinh nghiệm: "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

Trong thời đại mà sự giao tiếp trong xã hội không cần phải gặp gỡ mà có thể thực hiện qua rất nhiều kênh khác nhau nhất là nhờ sự bùng nổ của công nghệ thông tin, trẻ có thể kết bạn thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo,... mà ở đó sự kiểm soát của cha mẹ không dễ dàng. Do đó đòi hỏi người lớn cần phải đề ra định hướng, nguyên tắc cũng như thường xuyên giám sát trẻ trong quá trình tham gia kết bạn trên mạng, nhằm hạn chế không để trẻ kết bạn với bạn bè xấu và cũng

để phát huy được tác dụng của việc sử dụng mạng Internet đối với việc học tập, vui chơi có mục đích tốt.

3.2.4. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội vĩ mô

Những tác động tiêu cực từ kinh tế, xã hội đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng. Để có biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm, tác giả đề xuất một số giải pháp để giảm bớt các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội như sau:

Thứ nhất, song song với việc phát triển kinh tế cần phải giải quyết mặt trái của nó, đó là sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc, sự phân tầng xã hội. Muốn vậy, chính quyền các cấp ở Bình Phước cần phải chú trọng việc thu hút đầu tư và tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và sử dụng nhiều lao động phổ thông để vừa phát triển kinh tế nhưng đồng thời góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho thanh niên. Khuyến khích những doanh nghiệp đầu tư đào tạo nghề và sử dụng nhiều lao động tại địa phương, lao động phổ thông, lao động nghèo, lao động thuộc diện chính sách, lao động bị mất việc làm, thiếu việc làm, đặc biệt người chấp hành xong hình phạt tù.

Việc phát triển kinh tế - xã hội có tính đến yếu tố đặc thù của từng địa bàn trong tỉnh sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách về mức sống, về thu nhập của người lao động giữa các địa bàn trong tỉnh; góp phần tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân ở vùng nông thôn, miền núi, vùng còn nhiều khó khăn như huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập, Lộc Ninh bởi sự chênh lệch về thu nhập, về mức sống giữa nông thôn và miền núi và thành thị hiện nay rất lớn.

Gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng các xã nông thôn mới nhằm thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn đi đôi với từng bước nâng cao mức sống của các hộ nông dân, thực hiện chuyển giao cây giống, kỹ thuật trồng và sơ chế, bảo quản sản phẩm, tìm kiếm đối tác chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản cho nông dân.

Thứ hai, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh cần phải tăng cường công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội, nhất là quản lý công tác nhân hộ

khẩu, quản lý lưu trú, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự như nhà hàng, khách sạn, nhà trọ, vũ trường, karaoke không để tội phạm và các đối tượng tệ nạn xã hội lợi dụng hoạt động, nhất là ở những khu vực đông dân cư, có thành phần dân cư phức tạp. Quan tâm, chăm sóc những trẻ em, cả trẻ em nam và trẻ em nữ lang thang, cơ nhỡ, đường phố vì đây là đối tượng có khả năng bị xâm hại cao.

Thứ ba, các cấp, các ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh phải thực hiện công tác đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội như: thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công cách mạng; có chính sách bảo vệ nhóm yếu thế (trẻ em, phụ nữ, người già, người tàn tật); có chính sách ưu tiên đối với các đối tượng xã hội, hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn như về chế độ bảo hiểm, nhà ở xã hội. Quan tâm, động viên, thu hút người dân nhất là độ tuổi thanh thiếu niên vào các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo lối sống lành mạnh, hình thành nhân cách tốt, đời sống đảm bảo về mọi mặt thì tất yếu tội phạm XPTD sẽ giảm.

Với những giải pháp phát triển kinh tế nêu trên nhằm tạo thêm công ăn, việc làm cho người dân trong tỉnh là giải pháp hạn chế thất nghiệp, nghèo đói và hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội đến sự hình thành nhân thân xấu của con người.

3.2.5. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa đến quá trình hình thành nhân cách của trẻ, cần tăng cường phòng chống văn hóa phẩm độc hại, các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với ngành Công an tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định kinh doanh của các cơ sở kinh doanh Internet, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lập trang web, phát tán, chia sẻ các phim ảnh, bài viết có nội dung khiêu dâm, kích dục và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch cần tăng cường các biện pháp giải quyết tình trạng nhập khẩu, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa nước ngoài, tình trạng các văn hóa phẩm độc hại, bạo lực được bày bán và sử dụng công khai như

hiện nay; phải quản lý chặt chẽ việc kiểm duyệt truyện, sách, báo, game online, băng đĩa, phim ảnh. Bởi phần lớn các đối tượng phạm tội xâm phạm tình dục đều bị kích thích bởi các phim, ảnh có nội dung khiêu dâm, kích dục

Cần tăng cường công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự, tổ chức phối hợp thanh, kiểm tra các ngành nghề kinh doanh có điều kiện có nguy cơ tội phạm chọn làm địa điểm để thực hiện hành vi xâm phạm tình dục như: nhà nghỉ, khách sạn, cơ sở massage, quán giải khát sân vườn, nhằm hạn chế tình hình tội phạm XPTD.

Trong thời gian qua, hầu hết các cấp ủy, cơ quan và cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tỉnh Bình Phước đã nhận thức rõ vị trí và vai trò của văn hóa tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành nhân cách của con người, vì vậy các cấp ủy đã cụ thể hóa các quy định của UBND tỉnh tác động đến quá trình xây dựng con người mới ở Bình Phước với những đức tính tốt đẹp, tư tưởng đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh. Tuy nhiên để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bình Phước phát triển toàn diện trong thời gian tới cần tập trung một số giải pháp như sau:

- Tăng cường định hướng chính trị, tư tưởng cho văn hóa, báo chí, văn học nghệ thuật. Phát huy tính tự giác, ý thức trách nhiệm công dân trong công tác kinh doanh các sản phẩm văn hóa trên cơ sở mục đích đúng đắn, hướng tới chân – thiện – mỹ.

- Các cấp chính quyền phải tổ chức thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa trên địa bàn tỉnh; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, trong phát triển kinh tế phải đảm bảo yếu tố văn hóa và ngược lại.

- Ngăn chặn kịp thời tình trạng báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, chạy theo xu hướng thương mại hóa, thị hiếu tầm thường.

- Chính quyền tỉnh cần quan tâm đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng các trung tâm văn hóa, các khu vui chơi giải trí với cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị

đầy đủ, để người dân có điều kiện luyện tập thể dục thể thao, vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động cộng đồng. Từ đó họ người dân sẽ có lối sống lành mạnh, tránh bị sự cám dỗ, tiếp thu các nội dung, hình thức giải trí không phù hợp, bị các tệ nạn xã hội lôi kéo.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm. Quan tâm hơn nữa đến việc tuyên truyền pháp luật cho người đồng tính về các quyền, trong đó có quyền tố cáo hành vi XPTD đi chung với quyền được giữ bí mật nhân thân người tố cáo, bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho họ, quyền bảo vệ thân thể của họ. Nâng cao nhận thức của người dân về các quyền của người đồng tính, tạo cơ hội để họ hòa nhập cộng đồng, không bị kì thị, xa lánh để họ có thể tố cáo hành vi XPTD.

Thực hiện tốt công tác nêu trên sẽ xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao hiệu quả ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng đạo đức, lối sống, phát triển con người toàn diện thấm nhuần truyền thống văn hóa và hạn chế tác động tiêu cực đến việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu.

3.2.6. Các giải pháp ngăn chặn tái phạm tội

3.2.6.1. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự

Thi hành án hình sự là công tác có vị trí quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đồng thời cũng là biện pháp ngăn ngừa người phạm tội tiếp tục phạm tội, giáo dục, động viên, khuyến khích, giúp cho người phạm tội hiểu, nhận thức, biết ăn năn hối hận về hành vi mình gây ra và cố gắng sửa chữa. Vì vậy thời gian tới cần phải tập trung thực hiện tốt công tác sau:

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thi hành án hình sự. Đảm bảo đủ về số lượng, có đủ năng lực, trình độ, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức cách mạng, có lối sống trong sạch, có đủ uy tín, năng lực và sức chiến đấu, hoàn thành tốt công tác thi hành án hình sự.

- Cần thống nhất nhận thức mọi hoạt động thi hành án hình sự phải đạt được mục tiêu cao nhất là giáo dục, cải tạo người phạm tội; tạo điều kiện cho họ sửa chữa lỗi lầm, tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, trở thành người có ích cho xã hội sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Để công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân đạt hiệu quả, trại giam nơi người bị kết án chấp hành hình phạt cần phải căn cứ vào tính chất của tội phạm, mức án người chấp hành hình phạt, thực hiện phân loại phạm nhân để biết được đặc điểm nhân thân, lai lịch, thái độ chấp hành án của từng phạm nhân mà áp dụng các biện pháp, tuyên truyền, quản lý, giáo dục, cải tạo cho phù hợp. Đối với các phạm nhân phạm các tội XPTD ngoài việc giáo dục tính tôn trọng pháp luật nói chung cần tập trung giáo dục nhân cách, đạo đức, chuẩn mực xã hội, tôn trọng các quyền cơ bản của công dân, lối sống và sinh hoạt lành mạnh.

- Tăng cường quản lý nhà nước về thi hành án hình sự, phối hợp, quản lý, theo dõi đối với người chấp hành xong hình phạt tù đặc biệt là án XPTD để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật không để họ tái phạm.

- Cần có chương trình đào tạo nghề ở các trại giam trên địa bàn tỉnh để dạy nghề cho người chấp hành án, có định hướng đào tạo cho phạm nhân những ngành nghề phù hợp với nhu cầu xã hội và khả năng của mình, bảo đảm sau khi chấp hành xong hình phạt tù họ có thể kiếm sống lương thiện bằng nghề đã được học. Điều này có ý nghĩa lớn quan trọng trong việc giáo dục cải tạo người phạm tội, giúp họ hiểu rõ được giá trị của lao động và khi chấp hành xong hình phạt về địa phương họ có thể dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng.

- Theo Điều 23 Pháp lệnh Thi hành án phạt tù, thì trong thời gian chấp hành án, phạm nhân được học nghề. Quy chế của Trại giam cũng đã xác định: "Phạm nhân được học nghề phù hợp với điều kiện cụ thể của trại giam. Việc dạy nghề cho phạm nhân là người chưa thành niên là bắt buộc". Trong thời gian qua, việc dạy nghề cho phạm nhân nhằm chuẩn bị cho họ tái hòa nhập cộng đồng là một vấn đề luôn được lãnh đạo trại giam tại Bình Phước hết sức quan tâm. Điển hình như trại giam Tân Phước (Bình Phước) cũng đã phối hợp với các trường nghề tổ chức đào

tạo và cấp chứng chỉ nghề cho gần 2.500 phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam như: may dân dụng, xây dựng, mộc, điện, cơ khí, sửa chữa xe máy, uốn tóc.

Tuy nhiên, việc dạy nghề cho phạm nhân hiện nay còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như cơ sở vật chất cho dạy nghề ở trại giam còn rất thiếu, chủ yếu dựa vào nguồn vốn tự có của trại, cho nên số phạm nhân được học nghề chưa nhiều.

Để việc dạy nghề cho phạm nhân mang lại hiệu quả hơn thì việc cần làm ngay là phải đa dạng hóa các ngành nghề dạy cho phạm nhân, không chỉ dạy các ngành nghề như sửa chữa ô tô, xe gắn máy, đồ điện tử gia dụng, xây dựng, may mặc mà phải mở rộng thêm các nghề dịch vụ, tin học, quản lý kinh doanh; phải chuyển từ việc dạy các nghề nông nghiệp, thủ công sang các nghề sản xuất công nghiệp, chế biến nông sản để tăng khả năng tìm kiếm việc làm tại các nhà máy, xí nghiệp. Ngoài ra, cần cho phép một phạm nhân được học nhiều nghề nếu có điều kiện tiếp thu.

3.2.6.2. Thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cho người chấp hành xong hình phạt

Để công tác tái hòa nhập cộng đồng đi vào chiều sâu và có hiệu quả, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Các cấp chính quyền địa phương, cần có kế hoạch rà soát, lập hồ sơ quản lý số người chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại địa phương, thực hiện công tác điều tra, phân loại cơ bản, nắm tình hình về đối tượng trong diện cần thiết tổ chức công tác tái hòa nhập cộng đồng để có chủ trương phù hợp và tạo điều kiện cho người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống không tái phạm tội.

- Thực hiện có hiệu quả Nghị định 80/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Để công tác tái hòa nhập cộng đồng thật sự hiệu quả thì trước tiên bản thân người chấp hành xong án phạt tù phải có ý thức nỗ lực vươn lên xây dựng niềm tin với chính quyền, cộng đồng. Bên cạnh đó thì gia đình và cộng đồng phải có sự bao dung trong việc giáo dục, giúp đỡ, cảm hóa để họ có điểm tựa vững chắc để trở lại cuộc sống bình thường.

Cấp cơ sở cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi về tái hòa nhập cộng đồng với nội dung phù hợp, bằng nhiều phương pháp, hình thức phong phú, xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chấp hành xong án phạt tù, quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ để họ ổn định cuộc sống, góp phần phòng ngừa, chống tái phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật khác. Cần phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn giới thiệu và tiếp nhận lao động đối với số người chấp hành xong án phạt tù để họ có việc làm đảm bảo ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

- Thời gian qua việc cảm hóa, giáo dục đối tượng lầm lỗi tại cộng đồng dân cư đã được các cấp ủy, chính quyền, lực lượng chức năng tỉnh Bình Phước quan tâm bởi những người lầm lỗi, khi trở về cuộc sống đời thường họ có mặt cảm, tự ti, thậm chí sống khép mình. Bởi vậy, việc cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi bằng trách nhiệm thôi thì chưa đủ, mà cần phải có trái tim bao dung, thấu hiểu và chia sẻ. Từ đó mới có thể gần gũi, tiếp xúc và cảm hóa họ.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở đánh giá khái quát tình hình các tội XPTD, thực tiễn các đặc điểm của nhân thân người phạm các tội XPTD và những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012-2016, ở Chương 3, tác giả đã đưa ra một số dự báo tình hình các tội XPTD trong thời gian tới, dự báo biến động của môi trường sống và ảnh hưởng của nó đến nhân thân người phạm các tội XPTD và đề ra các giải pháp tăng cường phòng ngừa trên cơ sở nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD trong giai đoạn tiếp theo.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 - 2016, tác giả rút ra một số kết luận như sau:

Nhân thân người phạm tội giữ một vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội vì vậy để đấu tranh, phòng ngừa các tội XPTD một vấn đề quan trọng là cần nghiên cứu làm rõ đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD nhằm xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, từ đó đề xuất biện pháp phòng ngừa tương ứng, góp phần qua trọng trong việc kiểm chế, kiểm soát tình hình tội XPTD. Ngoài ra nghiên cứu nhân thân người phạm tội giúp cho việc định tội, định khung, quyết định hình phạt chính xác, cũng như đề ra các biện pháp giáo dục, cải tạo người phạm các tội XPTD một cách hiệu quả.

Trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa, loại trừ loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh cần có sự phối hợp đồng bộ giữa người dân với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện nhóm phòng ngừa xã hội và nhóm giải pháp về phòng ngừa nghiệp vụ, hạn chế tác động tiêu cực từ môi trường sống, nhằm hướng đến mục tiêu là tạo môi trường lành mạnh, bảo vệ và đảm bảo cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần cho trẻ em, góp phần bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu nhân thân người phạm các tội XPTD từ thực tiễn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 – 2016, làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm các tội XPTD và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước một cách có hệ thống, từ đó đưa ra một số giải pháp có tính khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ góc độ nhân thân.

Nội dung của luận văn này đã được tác giả trình bày trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tiếp thu quá trình nghiên cứu khoa học, học tập và những vụ án thực tế đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 - 2016; tuy nhiên, do nhận thức có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô, các đồng nghiệp, các chuyên gia để tác giả tiếp tục hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
2. Bộ Chính trị (2012), *Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 5/12/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.*
3. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 10), tr. 7-11, (số 11), tr. 5-8.
4. Nguyễn Văn Cảnh cùng tập thể tác giả (2010), *Tội phạm học*, Nxb Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tình (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
6. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
7. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù;*
8. Công an tỉnh Bình Phước (2012 – 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.*
9. Công an tỉnh Bình Phước - Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (2012 – 2016), *Thống kê nhân khẩu năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.*
10. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2012 – 2016), *Niên giám thống kê năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.*
11. Bùi Kiên Điện (2001), *Nhân thân bị can và một số khái niệm kẻ cặn*, Tạp chí Luật học, (số 6), tr.14-18.
12. Đỗ Đức Hồng Hà (2005), *Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 18), tr. 17-20.
13. Nguyễn Quang Hạnh (2013), *Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Nghề luật, (số 1), tr.52-57.

14. Phạm Thị Triều Mến (2015), *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
15. Dương Tuyết Miên (2010), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
16. Nxb Chính trị quốc gia (2010), *Giáo trình Triết học Mác – Lê Nin*, Hà Nội.
17. Đinh Văn Quế (2009), *Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án, (số 13), tr. 23-27, (số 14), tr. 19-28.
18. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 41-43.
22. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 về phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*.
23. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 8), tr. 2-7.
24. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước pháp luật.
25. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 19), tr.3-9.
26. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17), tr.32-35.
27. Phạm Uyên Thy (2015), *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

28. Phạm Văn Tình (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Phạm Văn Tình (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước pháp luật.
30. Phạm Văn Tình (2005), *Đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr.73-83.
31. Phạm Văn Tình (2005), *Đặc điểm định tính của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 10), tr.65-76.
32. Phạm Văn Tình (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của Tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr.73-79.
33. Phạm Văn Tình (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2012 – 2016), *Bản án của các vụ án xâm phạm tình dục tại tỉnh Bình Phước năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
35. Trần Hữu Tráng (2000), *Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, (số 3), tr. 51-55.
36. Trần Hữu Tráng (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 42-50.
37. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 43-51.
38. Trần Hữu Tráng (2014), *Dự báo nguy cơ tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 4), tr. 46-53.
39. Trần Hữu Tráng (2000), *Nạn nhân học trong tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
40. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1998), *Giáo trình tổ chức hoạt động phòng ngừa, phát hiện và điều tra tội phạm cụ thể*, Nxb Hà Nội.
41. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

43. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
45. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam, Nxb Hà Nội.
46. Lê Đức Tùng (2005), *Cần có biện pháp để thống nhất khi áp dụng tình tiết đã bị xử phạt hành chính trong Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 5), tr. 34-36.
47. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nội vụ, tr. 18-22.
48. Đào Trí Úc (chủ biên) (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2012 - 2016), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Bình Phước năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
50. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2011), *Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 29/06/2011 về ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 – 2015*.
51. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (2012 – 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
52. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (2012 – 2016), *Thống kê tội phạm hình sự năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
53. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
54. Viện ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt phổ thông*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
55. Trịnh Tiến Việt (2003), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ cân nhắc khi quyết định hình phạt*, Tạp chí Kiểm sát, (số 1), tr. 21-23.
56. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

57. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
61. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục số 1 các bảng biểu

Bảng 2.1. Số lượng tội phạm nói chung và các tội xâm phạm tình dục tại tỉnh Bình Phước

Năm	Tình hình tội phạm		Tình hình các tội XPTD		Tình hình các tội XPTD trẻ em		Tỷ lệ (%)			
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Tình hình các tội XPTD		Tỉ trọng tình hình các tội XPTD trẻ em trong tình hình các tội XPTD	
							Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2012	1117	1259	51	56	43	43	4,6	4,5	84,3	76,8
2013	1136	1361	59	78	48	54	5,2	5,7	81,4	69,2
2014	1151	1372	49	55	40	46	4,3	4,0	81,6	83,7
2015	1191	1385	56	63	50	53	4,7	4,5	89,3	84,1
2016	1203	1548	61	74	56	63	5,1	4,8	91,8	85,1
Tổng	5798	6925	276	326	237	259	4,8	4,7	85,9	79,4

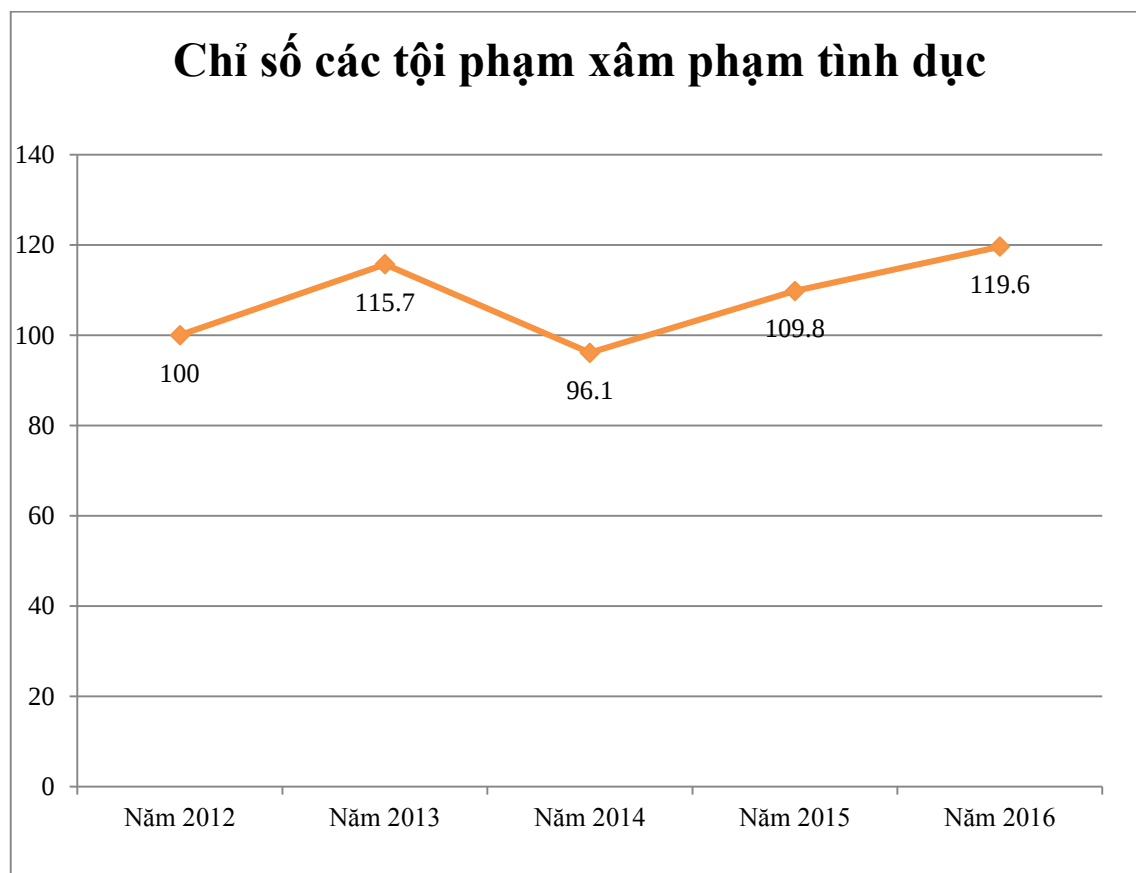
(Nguồn: Thống kê của TAND tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.2. Chỉ số tội phạm nói chung và các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử	Tổng số bị cáo phạm các tội XPTD	Tổng số bị cáo phạm các tội XPTD trẻ em	Dân số (ngàn người người)	Chỉ số tội phạm chung	Chỉ số các tội XPTD	Chỉ số các tội XPTD trẻ em
2012	1259	56	43	905,300	139,07	6,2	4,7
2013	1361	78	54	922,889	147,5	8,5	5,9
2014	1372	55	46	923,003	148,6	6	5
2015	1385	63	53	932,502	148,5	6,8	5,7
2016	1548	74	63	944,529	164	7,8	6,7
Tổng	6925	326	259	4528,223	152,9	7,2	5,7
Trung bình	1385	65,2	51,8	925,645	149,6	7.1	5.6

(Nguồn: Số liệu thống kê của TAND tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.3. Biểu đồ diễn biến tình hình các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước



Bảng 2.4. Độ tuổi và giới tính của người phạm các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước

Năm	Số bị cáo	Độ tuổi			Giới tính	
		Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	Từ 30 tuổi trở lên	Nam	Nữ
2012	56	5	27	24	56	
2013	78	4	33	41	77	1
2014	55	9	26	20	55	
2015	63	6	34	23	63	
2016	74	9	37	28	74	
Tổng	326	33	157	136	325	

(Nguồn: Báo cáo của TAND tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.5. Trình độ học vấn của người phạm các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn			
		Không biết chữ	Tiểu học, Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung cấp, cao đẳng, đại học
2012	21	2	18	1	0
2013	28	3	23	2	0
2014	22	1	19	2	0
2015	27	3	22	2	0
2016	33	4	26	3	0
Tổng	131	13	108	10	0
Tỷ lệ (%)	100	9,92	82,44	7,6	0

(Nguồn: Tổng hợp 124 bản án HSST đã xét xử của TAND các cấp)

Bảng 2.6. Đặc điểm nghề nghiệp của người phạm các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước

STT	Nghề nghiệp	Số người phạm tội	Tỷ lệ (%)
1	Không có nghề nghiệp	18	13,74
2	Làm rẫy, làm ruộng	30	22,90
3	Học sinh, sinh viên	5	3,81
4	Công nhân	15	11,45
5	Buôn bán, tiếp thị	4	3,05
6	Thợ xây, phụ hồ	4	3,05
7	Lái xe, chăn nuôi, bán vé số, tiếp viên,... (gọi chung là các nghề khác)	55	41,98

(Nguồn: Tổng hợp 124 bản án HSST đã được TAND các cấp xét xử)

Bảng 2.7. Đặc điểm hoàn cảnh gia đình của người phạm các tội XPTD tại tỉnh Bình Phước

Bản thân người phạm tội	Hoàn cảnh cụ thể		Số trường hợp	Tỷ lệ (%)
	Đã có vợ		35	26,72
	Chưa có vợ		96	73,28
Cha, mẹ người nuôi dưỡng	Thuận lợi		28	21,37
	Không thuận lợi	Mồ côi cả cha và mẹ	8	6,11
		Mồ côi cha	25	19,08
		Mồ côi mẹ	9	6,87
		Cha mẹ ly hôn	15	11,45
		Các trường hợp khác (gia đình thường xuyên cãi vã, không quan tâm giáo dục con cái,...)	46	35,11

(Nguồn: Tổng hợp 124 bản án HSST do TAND các cấp đã xét xử)

Bảng 2.8. Cơ cấu của tình hình các tội XPTD xét theo đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2012 - 2016

STT	Đơn vị hành chính	Người phạm tội	Tỷ lệ (%)
1	Thị xã Đồng Xoài	25	7,67
2	Thị xã Bình Long	18	5,52
3	Thị xã Phước Long	21	6,44
4	Huyện Bù Đăng	54	16,56
5	Huyện Bù Đốp	24	7,36
6	Huyện Bù Gia Mập	59	18,10
7	Huyện Chơn Thành	24	7,36
8	Huyện Đồng Phú	15	4,60
9	Huyện Hớn Quản	11	3,37
10	Huyện Lộc Ninh	26	8,00
11	Huyện Phú Riềng	21	6,44
12	Nơi khác đến	28	8,59

(Nguồn: Thống kê của TAND tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.9. So sánh tỷ lệ người phạm các tội XPTD với số dân từng địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

STT	Nơi cư trú	Dân số (nghìn dân)	Số người phạm tội	Tỷ lệ trên 100.000 dân
1	Thị xã Đồng Xoài	94.8	4	4,22
2	Thị xã Bình Long	52.7	3	5,69
3	Thị xã Phước Long	50.0	5	10
4	Huyện Bù Đăng	125.3	10	7,98
5	Huyện Bù Đốp	48.2	4	8,3
6	Huyện Bù Gia Mập	127.9	14	10,95
7	Huyện Chơn Thành	76.9	4	5,2
8	Huyện Đồng Phú	79.9	6	7,51
9	Huyện Hớn Quản	92.6	7	7,56
10	Huyện Lộc Ninh	105.2	11	10,46
11	Huyện Phú Riềng	91.0	7	7,70
Toàn tỉnh Bình Phước		944,5	74	7,83

(Nguồn: Thống kê của TAND tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.10. Mối quan hệ của người phạm tội và nạn nhân trong các vụ phạm tội XPTD trên địa bàn tỉnh Bình Phước

STT	Mối quan hệ	Số vụ	Tỷ lệ (%)
1	Không quen biết	12	9,38
2	Cha với con ruột	3	2,34
3	Cha dượng với con vợ	12	9,68
4	Bác, chú, cậu cháu, anh em bà con	7	5,47
5	Hàng xóm với nhau	25	19,53
6	Quen biết khác	69	55,64

(Nguồn: Tổng hợp 124 bản án HSST đã được TAND các cấp xét xử)

Bảng 2.11. Bảng tổng hợp kết quả điều tra xã hội học (200 phiếu điều tra)

- Tổng số phiếu phát ra: 250

- Tổng số phiếu thu vào: 200

Nội dung		Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Câu 1: Trong gia đình Anh/chị cảm thấy mối quan hệ của bố mẹ đối với con như thế nào?			
Trả lời	- Rất quan tâm, luôn dành thời gian cho con	184	92
	- Ít quan tâm, ít dành thời gian cho con	16	8
Câu 2: Bố mẹ Anh/chị thường xử sự như thế nào khi con mắc lỗi?			
Trả lời	- Luôn bênh vực, bao che lỗi của con	1	0,5
	- Luôn tìm hiểu nguyên nhân, phân tích, để con có hướng khắc phục	185	92,5
	- Tìm hiểu sơ qua, mắng cho hả giận rồi thôi	14	7
	- Bố mẹ thường đánh và sử dụng hình phạt	0	0
Câu 3: Anh/chị có thấy bố mẹ quan tâm đến bạn bè mình không?			
Trả lời	- Thường xuyên quan tâm, đến từng nhà người bạn của con mình	52	26
	- Chỉ quan tâm một vài người bạn thân của con, còn lại không biết	140	70
	- Không quan tâm đến bạn của con là ai	8	4
Câu 4: Khi Anh/chị chơi với bạn bè xấu bố mẹ đối xử như thế nào?			
Trả lời	- Phân tích là không chơi với bạn xấu, cần quen với bạn tốt...	175	87,5
	- Chỉ chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian	22	11
	- Đánh đập, ép buộc là không được chơi với bạn xấu	3	1,5

Câu 5: Theo Anh/chị những bất cập, hạn chế nào của gia đình ảnh hưởng đến trẻ phát triển nhân cách lệch lạc?			
Trả lời	- Gia đình quá nghiêm khắc	81	35,22
	- Gia đình quá nuông chiều, thỏa mãn nhu cầu của con	37	16,09
		45	19,57
	- Gia đình thường xuyên mắng chửi nhau, xử sự thô lỗ	62	26,96
	- Gia đình thiếu văn hóa, thiếu đạo đức, vi phạm pháp luật	5	2,18
	- Yếu tố khác		
Câu 6: Theo Anh/chị mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục học sinh như thế nào?			
Trả lời	- Gia đình rất quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường	157	78,5
	- Gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời lên họp phụ huynh	41	20,5
	- Gia đình ỷ lại, giao phó việc giáo dục cho nhà trường	2	1
	- Gia đình không quan tâm đến việc nhà trường giáo dục trẻ như thế nào?	0	0
Câu 7: Anh/chị thấy đâu là bất cập, hạn chế trong nhà trường ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách của trẻ?			
Trả lời	- Tình trạng bạo lực học đường	78	28,89
	- Quản lý lỏng lẻo, nội dung học tập và giáo dục không phù hợp	89	32,96
	- Thầy cô đối xử phân biệt, chạy theo thành tích, không chất lượng	55	20,37
	- Chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống	48	17,78

Câu 8: Với phương pháp giáo dục của bố mẹ, Anh/chị có hài lòng không?			
Trả lời	- Rất hài lòng	127	63,5
	- Chưa hài lòng lắm	69	34,5
	- Không hài lòng	4	2
Câu 9: Với phương pháp giáo dục của nhà trường, Anh/chị có hài lòng không?			
Trả lời	- Rất hài lòng	114	57
	- Chưa hài lòng lắm	79	39,5
	- Không hài lòng	7	3,5
Câu 10: Anh/chị có đề xuất gì với phương pháp giáo dục của gia đình?			
Trả lời	- Thường xuyên quan tâm đến con như một người bạn. Có sự phối hợp với nhà trường, không áp đặt, gò bó con cái	45	22,5
Câu 11: Anh/chị có đề xuất gì với phương pháp giáo dục của nhà trường			
Trả lời	- Quan tâm đến tâm lý học sinh, có phương pháp dạy khoa học, giảm áp lực, giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống,...	56	28

Bảng 2.12. Bảng tổng hợp kết quả xử lý phiếu điều tra phạm nhân phạm các tội xâm phạm tình dục đang cải tạo tại trại tạm giam Công an Bình Phước

- Tổng số phiếu phát ra: 150

Tổng số phiếu thu vào: 100

Câu hỏi	Nội dung	Kết quả	
		Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
Câu 1	Nguyên nhân phạm tội xâm phạm tình dục		
Do môi trường gia đình	- Do các thành viên trong gia đình có lối sống buông thả	24	14
	- Do trong gia đình thường sử dụng văn hóa phẩm độc hại, khiêu dâm	31	41
	- Do gia đình không hoàn hảo (bố mẹ chết, ly dị hoặc bất hòa) không quan tâm đến việc quản lý, giáo dục con cái	45	45
	- Các nguyên nhân khác thuộc gia đình	0	0
Môi trường nơi sinh sống	- Những người xung quanh sinh sống không lành mạnh, trụy lạc	23	23
	- Có nhiều tụ điểm sử dụng các ấn phẩm văn hóa độc hại, chiếu phim sex, khiêu dâm	58	58
	- Do dân cư thưa thớt, địa hình vắng vẻ, dễ gây án	19	19
	- Các nguyên nhân khác thuộc về môi trường nơi sinh sống	0	0
Nguyên nhân chủ quan từ thói quen, sở thích của phạm	- Do thường xuyên sử dụng ma túy hoặc chất kích thích nên dễ bị tác động của các chất này dẫn đến phạm tội	11	11
	- Do sở thích xem phim sex, khiêu dâm và bị ảnh hưởng bởi sở thích này	21	21
	- Do thường xuyên uống rượu bia và phạm tội trạng	25	25

nhân	thái đã uống rượu, bia nên không làm chủ được bản thân		
	- Do nổi dục vọng vì bị kích thích từ cơ thể nạn nhân	17	17
	- Do tâm lý thích của lạ, nổi dục vọng dẫn đến phạm tội	15	15
	- Do tâm lý nể nang nên dễ bị người khác rủ rê, lôi kéo	10	10
	- Nguyên nhân khác	1	1
Câu 2	Nhận thức, tâm lý của phạm nhân về hành vi phạm tội của mình?		
Nhận thức trước khi phạm tội	- Không thấy trước hậu quả tác hại, không biết đó là tội phạm	21	21
	- Biết là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện	32	32
	- Không quan tâm đến quy định của pháp luật	47	47
	- Nhận thức khác	0	0
Nhận thức sau khi phạm tội	- Thoải mái, bình thường	4	4
	- Ân hận, xấu hổ	48	48
	- Lo sợ	46	46
	- Tâm lý khác	2	2
Câu 3	Phạm nhân đã thực hiện hành vi phạm tội khi?		
	- Hoàn toàn tỉnh táo	47	
	- Có sử dụng rượu, bia trước khi phạm tội	21	
	- Trước đó đã xem các tranh ảnh khiêu dâm, phim kích dục	23	
	- Trước khi phạm tội có sử dụng ma túy	9	

Phụ lục số 2. Phiếu điều tra xã hội học

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG

Để có cơ sở cho việc đánh giá vai trò của giáo dục trong gia đình và nhà trường đối với thanh thiếu niên, chúng tôi mong muốn Anh/chị cung cấp chính xác cho chúng tôi những thông tin sau đây:

Họ và tên: Tuổi: Giới tính:

Trình độ học vấn: Nghề nghiệp:

Nơi công tác/học tập:

Xin Anh/chị vui lòng đọc kỹ và trả lời các câu hỏi bằng cách đánh dấu X vào các ô mà Anh/chị cho là phù hợp:

1. Trong gia đình Anh/chị cảm thấy mối quan hệ của bố mẹ với con như thế nào?

- a. Chỉ lo kinh tế không quan tâm đến con ☐
- b. Rất quan tâm, luôn dành thời gian cho con ☐
- c. Ít quan tâm, ít dành thời gian cho con ☐

2. Bố/mẹ Anh/chị thường xử sự như thế nào khi con mắc lỗi?

- a. Luôn bênh vực, bao che lỗi của con ☐
- b. Tìm hiểu nguyên nhân, phân tích, để con có hướng khắc phục ☐
- c. Tìm hiểu sơ qua, mắng chửi cho hả giận rồi thôi ☐
- d. Bố/mẹ thường đánh con và sử dụng hình phạt ☐

3. Anh/chị thấy bố mẹ có quan tâm đến bạn bè mình không?

- a. Chỉ quan tâm một vài bạn thân của con, còn lại không biết ☐
- b. Không quan tâm đến bạn của con là ai ☐
- c. Thường xuyên quan tâm, đến nhà bạn từng bạn của con mình ☐
- d. Khác ☐

4. Khi Anh/chị chơi với bạn bè xấu bố mẹ đối xử như thế nào?

- a. Phân tích là không nên chơi với bạn bè xấu, cần quen với bạn tốt ☐
- b. Chỉ chửi mắng, ngăn cản và kiểm soát thời gian ☐
- c. Đánh đập, ép buộc là không được chơi với bạn bè xấu ☐

5. Theo Anh/chị những bất cập, hạn chế nào của gia đình dẫn đến trẻ phát triển lệch lạc?
 - a. Gia đình quá nuông chiều, thỏa mãn nhu cầu của con ☐
 - b. Gia đình quá nghiêm khắc ☐
 - c. Gia đình thường xuyên cãi, đánh chửi nhau, xử sự thô lỗ ☐
 - d. Gia đình thiếu văn hóa, thiếu đạo đức, vi phạm pháp luật ☐
6. Theo Anh/chị mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường trong việc giáo dục học sinh như thế nào?
 - a. Gia đình rất quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường ☐
 - b. Gia đình chỉ quan tâm khi nhà trường mời họp phụ huynh ☐
 - c. Gia đình ỷ lại, giao phó việc giáo dục cho nhà trường ☐
 - d. Gia đình không quan tâm đến việc giáo dục trẻ thế nào ☐
7. Anh/chị cảm thấy đâu là bất cập, hạn chế trong nhà trường ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách xấu của trẻ?
 - a. Quản lý lỏng lẻo, nội dung học tập và phương pháp giáo dục không phù hợp ☐
 - b. Thầy cô đối xử phân biệt, chạy theo thành tích mà không quan tâm đến chất lượng ☐
 - c. Chưa chú trọng đến giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống ☐
 - d. Tình trạng bạo lực học đường ☐
8. Với phương pháp giáo dục hiện tại của bố mẹ, Anh/chị có hài lòng không?
 - a. Rất hài lòng ☐
 - b. Chưa hài lòng lắm ☐
 - c. Không hài lòng ☐
 - d. Khác ☐
9. Với phương pháp giáo dục hiện tại của nhà trường, Anh/chị có hài lòng không?
 - a. Rất hài lòng ☐
 - b. Chưa hài lòng lắm ☐
 - c. Không hài lòng ☐
 - d. Khác ☐

10. Anh/chị có đề xuất gì đối với phương pháp giáo dục của gia đình

.....

11. Anh/chị có đề xuất gì đối với phương pháp giáo dục của nhà trường

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị!

Phụ lục 3. Phiếu hỏi

(Phạm nhân phạm các tội xâm phạm tình dục đang cải tạo tại trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước)

Để phục vụ mục đích nghiên cứu Luận văn thạc sĩ Luật học: ***“Nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*** chúng tôi mong muốn phạm nhân cung cấp chính xác cho chúng tôi những thông tin sau đây: *(đánh dấu X vào trong ô tương ứng hoặc viết ý kiến của riêng mình)*

Chúng tôi cam đoan Phiếu này chỉ phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và không hề tiết lộ thông tin cá nhân cho bất kỳ ai ngoài tác giả luận văn

Họ và tên: *(có thể điền hoặc không điền thông tin)*:.....

Nơi cư trú trước khi phạm tội:.....

Tuổi:..... Giới tính:.....

Trình độ học vấn:..... Nghề nghiệp:.....

Xin phạm nhân vui lòng đọc kỹ và trả lời các câu hỏi bằng cách đánh dấu X vào các ô mà phạm nhân cho là phù hợp:

1. Xin phạm nhân cho biết nguyên nhân nào dẫn đến hành vi phạm tội?

Do môi trường gia đình

- a. Do các thành viên trong gia đình có lối sống buông thả, trụy lạc: ☐
- b. Do trong gia đình thường sử dụng văn hóa độc hại, bạo lực, khiêu dâm ☐
- c. Do gia đình không hoàn hảo (bố mẹ chết, ly dị hoặc bất hòa) không quan tâm đến việc quản lý, giáo dục con cái: ☐
- d. Các nguyên nhân khác thuộc gia đình:.....

Do môi trường nơi sinh sống:

- a. Những người xung quanh sinh sống không lành mạnh, trụy lạc: ☐
- b. Có nhiều tụ điểm sử dụng các ấn phẩm văn hóa độc hại, chiếu phim sex: ☐
- c. Do điều kiện dân cư thưa thớt, địa hình vắng vẻ dễ gây án: ☐
- d. Các nguyên nhân khác thuộc về gia đình:.....

Nguyên nhân chủ quan từ thói quen, sở thích của phạm nhân ?

- a. Do thường xuyên sử dụng ma túy hoặc chất kích thích khác nên đã bị tác động của các chất này dẫn đến phạm tội: ☐
- b. Do sở thích xem phim sex, khiêu dâm và bị ảnh hưởng bởi sở thích này: ☐
- c. Do thường xuyên uống rượu bia và phạm tội trong trạng thái đã uống rượu, bia nên không làm chủ được bản thân: ☐
- d. Do nổi dục vọng vì bị kích thích bởi cơ thể của nạn nhân: ☐
- e. Do tâm lý thích của lạ nên nổi dục vọng dẫn đến phạm tội: ☐
- g. Do bị người khác rủ rê, lôi kéo: ☐
- h. Những nguyên nhân khác..... ☐

2. Nhận thức, tâm lý của phạm nhân về hành vi phạm tội của mình?

Nhận thức của phạm nhân trước khi phạm tội

- a. Không thấy trước được hậu quả tác hại, không biết đó là tội phạm: ☐
- b. Biết là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện: ☐
- c. Không quan tâm đến quy định của pháp luật: ☐
- d. Nhận thức khác: ☐

Sau khi phạm tội phạm nhân thấy:

- a. Thoải mái, bình thường: ☐
- b. Ân hận, xấu hổ: ☐
- c. Lo sợ: ☐
- d. Tâm lý khác..... ☐

3. Phạm nhân đã thực hiện hành vi phạm tội khi?

- a. Hoàn toàn tỉnh táo ☐
- b. Có sử dụng rượu, bia trước khi phạm tội ☐
- c. Trước đó đã xem các tranh ảnh khiêu dâm, phim kích dục ☐
- d. Trước khi phạm tội có sử dụng ma túy ☐

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của phạm nhân!